

TP.HCM, ngày 27 tháng 04 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB (CBPF)

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Thông tư số 99/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động của Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2020 của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb (CBPF) ngày 27/04/2021

QUYẾT NGHỊ

Đại hội Nhà đầu tư đã nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung sau:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm tài chính 2020.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán của Quỹ.

Điều 3. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2020 của Quỹ, chi tiết như sau: Quỹ không phân phối lợi nhuận năm tài chính 2021 và sẽ tái đầu tư toàn bộ lợi nhuận.

Điều 4. Thông qua Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2021.

Điều 5. Thông qua Báo cáo chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ năm 2020 và ngân sách hoạt động của Ban đại diện Quỹ năm 2021. Trong đó ngân sách hoạt động của Ban đại diện Quỹ năm 2021 là 180.000.000 VNĐ (một trăm tám mươi triệu đồng), chi tiết như sau:

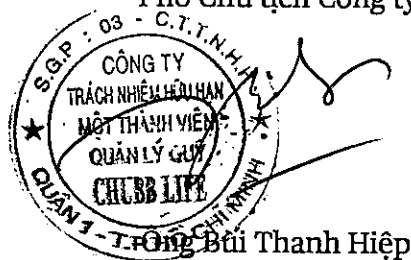
STT	Loại chi phí	Ngân sách 2021
I	Thù lao	180.000.000
II	Chi phí đi lại	0
III	Chi phí khác	0
	Tổng cộng	180.000.000

Điều 6. Chấp thuận ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm tài chính 2021.

Điều 7. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ như nêu tại Phụ lục “Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng CHUBB (CBPF)” đính kèm Nghị quyết này.

Điều 8. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.

Đại diện Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ
Chubb Life
Phó Chủ tịch Công ty



Ông Bùi Thanh Hiệp

Thay mặt Đại hội Nhà đầu tư
Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

Ông Trịnh Thanh Cần



PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB (CBPF)
(Đính kèm Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2020
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb (CBPF) số CFMCLCEN210048V ngày 27/04/2021)

STT	Điều khoản	Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2020 của Quý CBPF thông qua (Các nội dung sửa đổi, bổ sung được gạch chân hoặc gạch bỏ, và in nghiêng)	Nội dung Điều lệ Quỹ ngày 27/04/2020	Lý do sửa đổi bổ sung
1	CĂN CỨ PHÁP LÝ	1. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 (“Luật Chứng khoán”) được Quốc hội thông qua vào ngày 29 tháng 6 năm 2006, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua vào ngày 24 tháng 11 năm 2010; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (“Luật Chứng khoán”) được Quốc hội thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019; 2. <u>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;</u> Nghị định số 58/2012/NĐ-CP (“Nghị định 58”) ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ; Nghị định 60/2015/NĐ-CP (“Nghị định 60”) ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng với quỹ mở; Thông tư số 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20	1. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 (“Luật Chứng khoán”) được Quốc hội thông qua vào ngày 29 tháng 6 năm 2006, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua vào ngày 24 tháng 11 năm 2010; 2. Nghị định số 58/2012/NĐ-CP (“Nghị định 58”) ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ; 3. Nghị định 60/2015/NĐ-CP (“Nghị định 60”) ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; 4. Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính; 5. Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng với quỹ mở; 6. Thông tư số 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20	Cập nhật các văn bản pháp luật có hiệu lực điều chỉnh hoạt động của Quỹ

	<u>lúc từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;</u> 5. <u>Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;</u> <u>Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính;</u> 6. <u>Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng với quỹ mở;</u> <u>Thông tư số 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016;</u> <u>Thông tư số 212/2012/TT-BTC (“Thông tư 212”) ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ;</u> 7. <u>Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;</u> 8. <u>Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015</u>	tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016; 7. Thông tư số 212/2012/TT-BTC (“Thông tư 212”) ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ; 8. Thông tư số 155/2015/TT-BTC (“Thông tư 155”) ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; 9. Thông tư số 242/2016/TT-BTC (“Thông tư 242”) ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam; và 10. Thông tư số 91/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định về chế độ báo cáo và thủ tục hành chính áp dụng với công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán. 11. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan khác.
--	---	---

2	CÁC ĐỊNH NGHĨA Sửa đổi bổ sung một số định nghĩa	“Công ty Kiểm toán” là công ty kiểm toán cho Quý được Đại hội Nhà Đầu tư chỉ định hoặc ủy quyền cho Ban Đại diện Quý chỉ định, theo quy định của Điều lệ quý và Pháp luật, <u>là công ty kiểm toán độc lập, được chấp thuận</u> để thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quý; “Điều lệ quý” bao gồm văn bản này, các phụ lục kèm theo và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có) bằng văn bản <u>quy định quy chế chỉ Quý CBPF tùy từng thời điểm;</u> “Bản cáo bạch” là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử, các phụ lục kèm theo và hiệu chỉnh hợp lệ (nếu có) sau đó bởi Chubb Life khai những thông tin chính xác, trung thực và khách quan đến việc <u>chào bán</u>, phát hành và giao dịch Chứng chỉ Quý CBPF. Bản cáo bạch sẽ được cập nhật khi phát sinh các thông tin quan trọng về Quý CBPF; “Chứng chỉ Quý CBPF” hay “Chứng chỉ Quý” hay “CCQ” là loại chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ đại diện Quý CBPF <u>phát hành, dưới dạng ghi sổ, xác nhận quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp</u> của Nhà Đầu tư đối với <u>tài sản hoặc một phần vốn góp của</u> tại Quý <u>theo tỷ lệ tương ứng với số Đơn vị Quý của Nhà Đầu tư đó đang sở hữu.</u> “Giá Mua lại” là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho Đầu tư để mua lại từ Nhà Đầu tư một Đơn vị Quý. Giá Mua lại bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quý tính tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quý trừ đi Giá dịch vụ Mua lại <u>đã được quy định tại Điều lệ quý;</u> “Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quý” <u>hay “Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quý”</u> có nghĩa như được nêu tại Khoản 56.2 Điều 56 dưới đây; “Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quý” hoặc “Ngày Giao dịch” Là ngày <u>định giá</u> mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quý, phát hành và mua lại Chứng chỉ Quý <u>theo cơ chế giao dịch của Quý.</u> “Thời điểm Đóng Sổ lệnh”	Sửa đổi theo Mẫu Điều lệ Quý Đầu tư chứng khoán tại Phụ lục I Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 (“Điều lệ mẫu”) và điều chỉnh một số nội dung cho phù hợp hơn với hoạt động của Quý.
		“Công ty Kiểm toán” là công ty kiểm toán cho Quý được Đại hội Nhà Đầu tư chỉ định hoặc ủy quyền cho Ban Đại diện Quý chỉ định, theo quy định của Điều lệ quý và Pháp luật để thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quý; “Điều lệ quý” bao gồm văn bản này, các phụ lục kèm theo và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có) bằng văn bản quy định quy chế quản lý Quý CBPF tùy từng thời điểm; “Bản cáo bạch” là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử, các phụ lục kèm theo và những hiệu chỉnh hợp lệ (nếu có) sau đó bởi Chubb Life FMC, công khai những thông tin chính xác, trung thực và khách quan liên quan đến việc quan đến, phát hành và giao dịch Chứng chỉ Quý CBPF. Bản cáo bạch sẽ được cập nhật khi phát sinh các thông tin quan trọng về Quý CBPF; “Chứng chỉ Quý CBPF” hay “Chứng chỉ Quý” hay “CCQ” là chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ đại diện Quý CBPF phát hành, dưới dạng ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quý theo tỷ lệ tương ứng với số Đơn vị Quý của Nhà Đầu tư đó đang sở hữu; “Giá Mua lại” là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu tư để mua lại từ Nhà Đầu tư một Đơn vị Quý. Giá Mua lại bằng Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quý tính tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quý trừ đi Giá dịch vụ Mua lại; “Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quý” có nghĩa như được nêu tại khoản 2 Điều 56 dưới đây; “Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quý” hoặc “Ngày Giao dịch” Là ngày định giá mà Công ty quản lý quỹ, thay mặt quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ Quý. “Thời điểm Đóng Sổ lệnh”	

		là thời điểm cuối cùng mà Đại lý Phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu tư để thực hiện tại Ngày Giao dịch. Thời điểm Đóng Sổ lệnh được công bố tại Bản cáo bạch hoặc theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ;	là thời điểm cuối cùng mà Đại lý Phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu tư để thực hiện tại Ngày Giao dịch. Thời điểm Đóng Sổ lệnh được công bố tại Bản cáo bạch hoặc theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ;	
			“Sổ Giao dịch chứng khoán” Bao gồm Sổ Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sổ Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).	
3	CHƯƠNG 1 Điều 4	Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán 4.1. Vốn Điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ đồng). Số vốn này được chia thành 5.000.000 (năm triệu) Đơn vị Quỹ. Mệnh giá của mỗi Đơn vị Quỹ là 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng). 4.2. Nhà Đầu tư góp vốn bằng tiền đồng dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát. 4.3. Quỹ không bị giới hạn về giá trị vốn góp tối đa của Nhà Đầu tư hoặc số lượng tối đa Đơn vị Quỹ được phát hành trừ khi Đại hội Nhà Đầu tư có quyết định khác.	Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán 4.1. Vốn Điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ đồng). Số vốn này được chia thành 5.000.000 (năm triệu) Đơn vị Quỹ. Mệnh giá của mỗi Đơn vị Quỹ là 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng). 4.2. Nhà Đầu tư góp vốn bằng tiền đồng dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát. 4.3. Quỹ không bị giới hạn về giá trị vốn góp tối đa của Nhà Đầu tư hoặc số lượng tối đa Đơn vị Quỹ được phát hành trừ khi Đại hội Nhà Đầu tư có quyết định khác	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu và Giấy phép thành lập Quỹ
4	CHƯƠNG I Điều 8 Khoản 8.2	8.2 Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) Quyết định thành lập số 171/2008/QĐ-TTg ban hành ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ Trụ sở chính: 15 Đoàn Trần Nghiệp, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: (8424) 3974 7123 Fax: (8424) 3974 7120	8.2 Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) Quyết định thành lập số 171/2008/QĐ-TTg ban hành ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ Trụ sở chính: 15 Đoàn Trần Nghiệp, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: (8424) 3974 7123 Fax: (8424) 3974 7120	

5	CHƯƠNG II Điều 10 Điều chỉnh/Bổ sung Khoản 10.1, 10.3, 10.4, 10.5, 10.6, 10.7, 10.8	Điện thoại: (8424) 3974 7123 Fax: (8424) 3974 7120	10.1. Chiến lược đầu tư Quý định hướng xây dựng một danh mục tập trung chủ yếu vào trái phiếu và tài sản có thu nhập cố định. Trong đó, trái phiếu sẽ bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết của tổ chức hoạt động theo Pháp luật trên Sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu chuẩn bị niêm yết (trong vòng mười hai (12) tháng kể từ Ngày tháng kể từ Ngày-Giao-dịch), chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi phát hành bởi các tổ chức phát hành theo Pháp luật, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng có uy tín hoặc có cam kết mua lại của tổ chức phát hành, trong đó ưu tiên trái phiếu của các tổ chức phát hành là các công ty, tập đoàn lớn. Các tài sản thu nhập cố định khác bao gồm tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng uy tín. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục đích bảo toàn vốn và mang lại lợi nhuận tối ưu cho Nhà Đầu tư. Ngoài ra, Quỹ có thể cân nhắc đầu tư vào một danh mục đa dạng với các cổ phiếu niêm yết theo quy định của Pháp luật có giá trị vốn hóa lớn cũng như thanh khoản cao trên Sở giao dịch chứng khoán.	Sửa đổi theo Điều 21, Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC và Điều lệ mẫu
			10.3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư a) tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp luật; b) ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật liên quan; c) trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; d) cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái	
			10.1. Chiến lược đầu tư Quý định hướng xây dựng một danh mục tập trung chủ yếu vào trái phiếu và tài sản có thu nhập cố định. Trong đó, trái phiếu sẽ bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết của tổ chức hoạt động theo Pháp luật trên Sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu chuẩn bị niêm yết (trong vòng mười hai (12) tháng kể từ Ngày tháng kể từ Ngày-Giao-dịch), chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi phát hành bởi các tổ chức phát hành theo Pháp luật, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng có uy tín hoặc có cam kết mua lại của tổ chức phát hành <u>tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành</u>, trong đó ưu tiên trái phiếu của các tổ chức phát hành là các công ty, tập đoàn lớn. Các tài sản thu nhập cố định khác bao gồm tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng uy tín. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục đích bảo toàn vốn và mang lại lợi nhuận tối ưu cho Nhà Đầu tư. Ngoài ra, Quỹ có thể cân nhắc đầu tư vào một danh mục đa dạng với các cổ phiếu niêm yết theo quy định của Pháp luật có giá trị vốn hóa lớn cũng như thanh khoản cao trên Sở giao dịch chứng khoán.	
			10.3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư a) tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp luật <u>ngân hàng</u>; b) ngoại-tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật liên quan; c) Công cụ nợ của trái-phấn Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;	

	d) cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết <u>trên Sổ giao dịch chứng khoán, chứng chỉ Quỹ đại chúng của các tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật;</u> e) cổ phiếu <u>chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành</u> <u>lỗi thiếu một (1) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phân trăm (30%) giá trị đợt phát hành;</u> f) chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro <u>cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ; và</u> g) quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.	phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật; e) cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật. Trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; f) chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro; và g) quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.
	10.4. Chubb Life FMC chỉ được <u>đầu tư tiền gửi và đầu tư công cụ thị trường</u> tiền tệ quy định tại Điểm a, b Khoản 10.3 Điều 10 này được <u>phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.</u>	10.4 Chubb Life FMC chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a, b Khoản 3 Điều 10 này được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.
	10.5. <u>Các giao dịch mua, bán chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán cho Quỹ phải được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tập trung của Sở giao dịch chứng khoán.</u>	Không có
	10.6. Trường hợp Quỹ đầu tư vào tài sản theo quy định tại Điểm e Khoản 10.3 Điều 10 này phải đáp ứng các điều kiện sau: a) có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch; b) đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại- (mã) chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và	10.5 Trường hợp Quỹ đầu tư vào tài sản theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 này phải đáp ứng các điều kiện sau: a) có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch; b) đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và

	c) có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch.	c) có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch.	
	10.7. Đối với các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán), Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm: a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch; b) Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận theo quy định tại Điểm a Khoản 10.7 này, Công ty Quản lý Quỹ phải giải thích rõ lý do để Ban Đại diện Quỹ xem xét, quyết định.	Không có	
	10.8. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu, chiến lược đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan.	Không có	
6	CHƯƠNG II Điều 11	Điều 11. Hạn chế đầu tư 11.1. Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau: a) không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điểm a, b, d, e và f Khoản 3 Điều 10 Điều lệ quỹ, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh theo quy định tại điểm f khoản 3 Điều 10 Điều lệ quỹ tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo Phụ lục số 4 của Điều lệ quỹ; b) không được đầu tư vào quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản Quỹ vào chứng khoán	Sửa đổi theo Điều 2, Điều 24, Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC

	Điều lệ quỹ tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo Phụ lục số 04 của Điều lệ quỹ; b) không được đầu tư vào quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại <u>Điểm a, b Khoản 10.3 Điều 10 Điều lệ quỹ</u> của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ. <u>Chứng khoán quy định tại điểm này bao gồm các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;</u> c) không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ; d) không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 Điều lệ quỹ; e) tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; f) không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam; g) không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm; và h) Quỹ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ trở lên.	đang lưu hành của một tổ chức phát hành. Chứng khoán quy định tại điểm này bao gồm các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi; c) không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ; d) không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 Điều lệ quỹ; e) tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; f) không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam; g) không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm; và h) Quỹ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ trở lên.
	b) <u>không được đầu tư vào quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại Điểm a, b Khoản 10.3 Điều 10 Điều lệ quỹ</u> của một tổ chức phát hành, <u>trừ công cụ nợ của Chính phủ. Chứng khoán quy định tại điểm này bao gồm các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;</u> c) không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu công cụ nợ của Chính phủ; d) không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điểm e Khoản 10.3 Điều 10 Điều lệ quỹ; e) tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; f) không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán; <u>cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam chứng chỉ quỹ của chính Quỹ CBPF;</u> g) chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau: - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;	

	- <u>Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quý vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;</u> h) không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm; và i) <u>Quý đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn giấy tờ có giá; và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) Giá trị Tài sản Ròng của Quý trở lên.</u>	
	11.2. Trừ trường hợp quy định tại điểm e, f, g khoản 1 Điều này, Cơ cấu đầu tư của Quý chỉ được vượt mức phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư quy định tại Điều a, b, c, d, g Khoản 11.1 Điều 11 này và chỉ do các nguyên nhân sau: a) do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quý; b) do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quý; c) do thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư; d) do hoạt động hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành; e) do Quý mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quý, hợp nhất Quý, sáp nhập Quý mà thời gian hoạt động chưa không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quý hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc f) Quý đang trong thời gian giải thể.	11.2. Trừ trường hợp quy định tại điểm e, f, g khoản 1 Điều 11 này, cơ cấu đầu tư của Quý được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 11 này và chỉ do các nguyên nhân sau: a) do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quý; b) do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quý; c) do thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư; d) do hoạt động hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành; e) do Quý mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quý, hợp nhất Quý, sáp nhập Quý mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quý; hoặc f) Quý đang trong thời gian giải thể.
	11.3. Chubb Life FMC phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 11 này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.	11.3. Chubb Life FMC phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 11 này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.

	<u>đầu tư cho phù hợp với quy định tại Khoản 11.1 Điều này.</u>	11.4. Trường hợp sai lệch là do Chubb Life FMC không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Chubb Life FMC có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. phát sinh. Trong trường hợp này, Chubb Life FMC phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.	11.4. Trường hợp sai lệch là do Chubb Life FMC không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Chubb Life FMC có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Chubb Life FMC phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
		11.5. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Chubb Life FMC phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.	Không có
7	CHƯƠNG II Điều 12	<u>Điều 12. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ</u> 12.1. Chubb Life FMC không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại Điểm a Khoản 10.3 Điều 10 Điều lệ quỹ. 12.2. Chubb Life FMC không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng chỉ Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng chỉ Quỹ với Nhà Đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngân hạn của Quỹ, không phải trả, không được quá năm phần trăm (5%) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày. 12.3. Chubb Life FMC không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện	Điều 12. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ 12.1. Chubb Life FMC không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Điều lệ quỹ. 12.2. Chubb Life FMC không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng chỉ Quỹ với Nhà Đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngân hạn của Quỹ, không phải trả, không được quá năm phần trăm (5%) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày. 12.3. Chubb Life FMC không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện

Sửa đổi theo Điều 25
Thông tư
98/2020/TT-BTC

		cho Quý hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quý thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán. 12.4. Quý được thực hiện giao dịch mua bán lại trái phiếu công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu công cụ nợ của Chính phủ.	các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán. 12.4. Quý được thực hiện giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
8	CHƯƠNG II Điều 13 Điều chỉnh Khoản 13.4	13.4. <u>Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các tài sản khác</u> <u>Áp dụng phương pháp phù hợp với tính chất, đặc điểm của tài sản để có lựa chọn phù hợp.</u>	Không có	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
9	CHƯƠNG III Điều 14	Điều 14. Nhà Đầu tư 14.1. Nhà Đầu tư của Quý sẽ thể là pháp nhân tổ chức , cá nhân trong và ngoài nước, không bao gồm cá nhân hoặc tổ chức Hoa Kỳ hoặc có yếu tố hoặc dấu hiệu Hoa Kỳ (xem thêm ở phần IX, 2.1. Ghi chú quan trọng – <u>Bản cáo bạch</u>). Nhà Đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quý ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quý mà họ sở hữu. 14.2. Nhà Đầu tư pháp nhân tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được Pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà Đầu tư pháp nhân tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quý mà mình sở hữu. Việc để cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản cho Chubb Life FMC , do người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu tư pháp nhân tổ chức ký và đóng dấu.	Điều 14. Nhà Đầu tư 14.1. Nhà Đầu tư của Quý có thể là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước, không bao gồm cá nhân hoặc tổ chức Hoa Kỳ hoặc có yếu tố hoặc dấu hiệu Hoa Kỳ (xem thêm ở phần IX, 2.1. Ghi chú quan trọng - Bản cáo bạch). Nhà Đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quý ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quý mà họ sở hữu. 14.2. Nhà Đầu tư pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được Pháp luật công nhận. Nhà Đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quý mà mình sở hữu. Việc để cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản cho Chubb Life FMC, do người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu tư pháp nhân ký và đóng dấu.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
10	CHƯƠNG III Điều 15	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu tư 15.1. Nhà Đầu tư có các quyền sau đây: a) quyền sở hữu của Nhà Đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu tư được cập nhật tại Sổ chính theo quy định; b) hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quý tương ứng	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu tư 15.1. Nhà Đầu tư có các quyền sau đây: a) quyền sở hữu của Nhà Đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu tư được cập nhật tại Sổ chính theo quy định; b) hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quý tương ứng	Sửa đổi theo Điều 16 Thông tư 98/2020/TT-BTC và Điều lệ mẫu

	với số lượng Đơn vị Quỹ nắm giữ; c) hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ; d) yêu cầu Chubb Life FMC thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ; e) <u>Khởi kiện Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;</u> f) thực hiện các quyền của mình thông qua Đại hội Nhà Đầu tư; và g) <u>Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;</u> h) <u>Quyền tự do chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật và tại Điều lệ quỹ;</u> i) <u>Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;</u> j) <u>Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác); và</u> k) các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ.	với số lượng Đơn vị Quỹ nắm giữ; c) hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ; d) yêu cầu Chubb Life FMC thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ; e) thực hiện các quyền của mình thông qua Đại hội Nhà Đầu tư; và f) các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ.
	15.2. Nhà Đầu tư có các nghĩa vụ sau đây: a) cung cấp thông tin nhận biết Nhà Đầu tư theo yêu cầu; b) chấp hành quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư; c) thanh toán đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ; d) kịp thời cập nhật cho Chubb Life FMC và Đại lý Phân phối có liên quan về những thay đổi thông tin nhận biết Nhà Đầu Tư; và e) các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ.	15.2. Nhà Đầu tư có các nghĩa vụ sau đây: a) cung cấp thông tin nhận biết Nhà Đầu tư theo yêu cầu; b) chấp hành quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư; c) thanh toán <u>đầy đủ</u> tiền mua Chứng chỉ Quỹ <u>trong thời hạn quy định tại Điều lệ Quỹ. Bản cáo bạch</u> và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;

	d) kịp thời cập nhật cho Chubb Life FMC và Đại lý Phân phối có liên quan về những thay đổi thông tin nhận biết Nhà Đầu Tư; và e) các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ. 15.3. <u>Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư sở hữu từ năm phân trăm (5%) trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:</u> a) <u>Xem xét và trích lục số biên bản và các Nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân hàng Giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;</u> b) <u>Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:</u> - <u>Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát vi phạm quyền của Nhà Đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, Hợp đồng Giám sát hoặc được giao bởi Đại hội Nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;</u> - <u>Ban Đại diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;</u> - <u>Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ;</u> c) <u>Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát phải trả lời Nhà Đầu tư;</u> d) <u>Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội Nhà Đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty Quản lý Quỹ chậm nhất mười (10) ngày làm việc trước ngày khai mạc;</u> e) <u>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và tại Điều lệ quỹ.</u>	

		15.4. Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền để cử người vào Ban Đại diện Quỹ. Trình tự, thủ tục để cử thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông. 15.5. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư theo quy định tại Khoản 15.3, 15.4 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu tư, tổng số Chứng chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà Đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 15.3 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, Hợp đồng Giám sát.			
II	CHƯƠNG III Điều 16	Điều 16. Sổ đăng ký Nhà Đầu tư 16.1. Chubb Life FMC thực hiện hoặc ủy quyền cho Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan Đại lý Chuyển nhượng lập và quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu tư chính (Sổ chính) hoặc ủy quyền Đại lý Ký danh (nếu có) lập, quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu tư phụ (Sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư. 16.2. Sổ chính, Sổ phụ phải có các thông tin sau: a) tên, địa chỉ trụ sở chính của Chubb Life FMC; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng Giám sát và lưu ký (nếu có); tên đầy đủ của Quỹ; b) Tổng số Chứng chỉ Quỹ được quyền chào bán, tổng số Chứng chỉ Quỹ đã bán và tổng số huy động được cho	Điều 16. Sổ đăng ký Nhà Đầu tư 16.1 Chubb Life FMC thực hiện hoặc ủy quyền cho Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan lập sổ đăng ký Nhà Đầu tư chính (Sổ chính) hoặc Đại lý Ký danh (nếu có) lập, quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu tư phụ (Sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư. 16.2 Sổ chính, Sổ phụ phải có các thông tin sau: a) tên, địa chỉ trụ sở chính của Chubb Life FMC; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng Giám sát và Ngân hàng lưu ký (nếu có); tên đầy đủ của Quỹ; b) thông tin về Nhà Đầu tư, bao gồm: - đối với cá nhân: họ và tên của Nhà Đầu tư; số	Sửa đổi theo Điều 15 & Điều lệ mẫu Thông tư 98/2020/TT-BTC	

	<u>Quý:</u> c) <u>Các thông tin cá nhân của Nhà đầu tư về Nhà Đầu tư</u> bao gồm: - đối với cá nhân: họ và tên của Nhà Đầu tư; số Thẻ căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu <u>hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ thư điện tử (email) (nếu có); - đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; mã số <u>giao dịch chứng khoán</u> (đối với nhà đầu tư nước ngoài), họ và tên, số <u>Thẻ căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ thư điện tử (email) (nếu có) của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng chỉ Quỹ, thời hạn ủy quyền của tổ chức với cá nhân được ủy quyền; d) số tài khoản <u>lưu ký chứng khoán</u> (nếu có); số tài khoản của Nhà Đầu tư; hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà Đầu tư nước ngoài); e) số lượng và tỉ lệ <u>sở hữu</u> Đơn vị Quỹ/Chứng chỉ Quỹ sở hữu; ngày đăng ký <u>sở hữu</u> (vào Sổ chính) mua và thanh toán; và f) ngày lập <u>Sổ chính, Sổ phụ đăng ký nhà đầu tư</u>. 16.3. Chubb Life FMC, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ <u>Gó Liên quan Đại lý Chuyển nhượng</u> phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu tư, kể cả Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh (trừ Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh nước ngoài). Thông tin về tài sản của Nhà Đầu tư trên Sổ chính, kể cả Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà Đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.	Thẻ căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ thư điện tử (email) (nếu có); - đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; họ và tên, số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ thư điện tử của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng chỉ Quỹ, thời hạn ủy quyền của tổ chức với cá nhân được ủy quyền; c) số tài khoản; hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà Đầu tư nước ngoài); d) số lượng và tỉ lệ sở hữu Đơn vị Quỹ sở hữu; ngày đăng ký sở hữu (vào Sổ chính); và e) ngày lập Sổ chính, Sổ phụ. 16.3 Chubb Life FMC, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu tư, kể cả Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh (trừ Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh nước ngoài). Thông tin về tài sản của Nhà Đầu tư trên Sổ chính, kể cả Nhà Đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà Đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.
--	--	--

12	CHƯƠNG III Điều 17 Điều chỉnh Khoản 17.1, 17.2, 17.5, 17.6, 17.7	Điều 17. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ 17.1. Quy định chung về giao dịch Chứng chỉ Quỹ a) <u>Trong-Sau</u> thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực, Chubb Life FMC phải tổ chức giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ, theo quy định tại <u>Điều Khoản 17.2 Điều 17 Điều lệ quỹ</u> và đã được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt. b) Lệnh giao dịch phải được gửi tới Đại lý Phân phối đã công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC, hoặc được gửi tới Chubb Life FMC hoặc Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan. hoặc, Đại lý Phân phối và Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan phải thiết lập hệ thống tiếp nhận lệnh giao dịch bảo đảm Nhà Đầu tư tại Việt Nam có thể đặt lệnh giao dịch tại mọi Đại lý Phân phối đã được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC. c) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] d) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] e) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ <u>nhưng không quá ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ tiếp theo</u>, Chubb Life FMC, <u>Đại lý Phân phối, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan, Đại lý Ký danh có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu tư tại Sổ chính, Sổ phụ và gửi Nhà Đầu tư bản xác nhận giao dịch theo mẫu quy định.</u> f) Trong thời hạn tối đa hai (02) ngày làm việc kể từ Sau Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ <u>(nhưng không quá thời điểm phân bổ kết quả giao dịch)</u>, nếu Đại lý Phân phối phát hiện lỗi giao dịch do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập vào hệ thống, Đại lý Phân phối phải chịu trách nhiệm trước Nhà Đầu tư về các lỗi giao dịch.	Sửa đổi theo Điều 11, 29, 30, 31, 34 Thông tư 98/2020/TT-BTC
		Điều 17. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ 17.1. Quy định chung về giao dịch Chứng chỉ Quỹ a) Sau thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực, Chubb Life FMC phải tổ chức giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ, theo quy định tại Điều 17.2 và đã được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt. b) Lệnh giao dịch phải được gửi tới Đại lý Phân phối đã công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC, hoặc được gửi tới Chubb Life FMC hoặc Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan. Chubb Life FMC hoặc Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan phải thiết lập hệ thống tiếp nhận lệnh giao dịch bảo đảm Nhà Đầu tư tại Việt Nam có thể đặt lệnh giao dịch tại mọi Đại lý Phân phối đã được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC. c) [.....] d) [.....] e) Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Chubb Life FMC, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan, Đại lý Ký danh có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu tư tại Sổ chính, Sổ phụ và gửi Nhà Đầu tư bản xác nhận giao dịch theo mẫu quy định. f) Trong thời hạn tối đa hai (02) ngày, sau Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, nếu Đại lý Phân phối phát hiện lỗi giao dịch do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại lý Phân phối phải thông báo cho Chubb Life FMC, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan và yêu cầu sửa lỗi giao dịch. Quá thời hạn nêu trên, Đại lý Phân phối chịu trách nhiệm trước Nhà Đầu tư về các lỗi giao dịch.	

	cho Chubb Life FMC, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan và yêu cầu sửa lỗi giao dịch. Quá thời hạn nêu trên, Đại lý Phân phối chịu trách nhiệm trước Nhà Đầu tư về các lỗi giao dịch. g) Chubb Life FMC, <u>Đại lý Phân phối</u>, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan và Đại lý Ký danh phải có số lệnh phải có số lệnh lưu trữ đầy đủ thông tin về các lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư theo mẫu quy định. <u>Đại lý Phân phối có trách nhiệm cung cấp sao kê tài khoản, tiểu khoản theo yêu cầu của Nhà Đầu tư.</u> h) Chubb Life FMC, Người có Liên quan của Chubb Life FMC được tham gia góp vốn thành lập, <u>đầu tư vào Quỹ</u>, giao dịch Chứng chỉ Quỹ <u>phù hợp với quy định của pháp luật</u> với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu tư khác theo quy định tại Điều 19 Điều lệ quỹ. i) [.....] j) [.....] k) [.....]	g) Chubb Life FMC, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan và Đại lý Ký danh phải có số lệnh lưu trữ đầy đủ thông tin về các lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư theo mẫu quy định. h) Chubb Life FMC, Người có Liên quan của Chubb Life FMC được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch Chứng chỉ Quỹ với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu tư khác theo quy định tại Điều 19 Điều lệ quỹ. i) [.....] j) [.....] k) [.....]
	17.2. Tần suất giao dịch Tần suất giao dịch không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng. Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ định kỳ là Ngày Giao dịch “T” được quy định trong Bản cáo bạch. Các Lệnh được Chấp nhận được trước Thời điểm Đóng Sổ lệnh được thực hiện tại NAV của Ngày Giao dịch đó. Việc thay đổi Ngày Giao dịch do nghỉ lễ sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh và được thông báo trên trang thông tin điện tử (website) của Chubb Life FMC tại www.chubblifefund.com.vn. Chubb Life FMC có thể thay đổi Ngày Giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện <u>được Đại lý Phân phối thông qua phải</u> phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ và <u>phải công bố tại Bản cáo bạch, website của Chubb Life FMC.</u> Tất cả các Điểm Nhận Lệnh bắt kỳ được đề cập trong Điều lệ quỹ được hiểu là Điểm Nhận Lệnh bắt kỳ của Đại lý	17.2. Tần suất giao dịch Tần suất giao dịch không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng. Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ định kỳ là Ngày Giao dịch “T” được quy định trong Bản cáo bạch. Các Lệnh được Chấp nhận được trước Thời điểm Đóng Sổ lệnh được thực hiện tại NAV của Ngày Giao dịch đó. Việc thay đổi Ngày Giao dịch do nghỉ lễ sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh và được thông báo trên trang thông tin điện tử (website) của Chubb Life FMC tại www.chubblifefund.com.vn. Chubb Life FMC có thể thay đổi Ngày Giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại lý Phân phối thông qua phải phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ và Điều lệ quỹ. Tất cả các Điểm Nhận Lệnh bắt kỳ được đề cập trong Điều lệ quỹ được hiểu là Điểm Nhận Lệnh bắt kỳ của

	Phân phối cụ thể mà Nhà Đầu tư muốn thực hiện giao dịch trên tài khoản mở tại Đại lý Phân phối đó.	Đại lý Phân phối cụ thể mà Nhà Đầu tư muốn thực hiện giao dịch trên tài khoản mở tại Đại lý Phân phối đó.
	17.5 Mua Đơn vị Quý a) <i>Đơn Đăng ký</i> [.....] b) <i>Xử lý Đơn Đăng ký/phiếu Lệnh Mua</i> Nhà Đầu tư có thể nộp Đơn Đăng ký hoặc phiếu Lệnh Mua sau khi điền đầy đủ thông tin, kèm theo <u>các tài liệu hợp lệ xác nhận việc hoàn tất thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quý</u> và các giấy tờ yêu cầu <u>khác</u> vào bất kỳ Ngày Làm việc nào tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh của bất kỳ Đại lý Phân phối nào. [.....] c) <i>Tuân thủ</i> [.....] d) <i>Chấp nhận Đơn Đăng ký/phiếu Lệnh Mua</i> [.....] [.....] [.....] Số lượng Đơn vị Quý sẽ được làm tròn đến hai số thập phân bằng cách làm tròn xuống số thập phân thứ ba. Số Đơn vị Quý lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại Đơn vị Quý của Nhà Đầu tư hoặc bất kỳ hình thức tái cấu trúc (tách, hợp nhất, sáp nhập) nào của Quý. e) <i>Tạm dừng thực hiện Lệnh Mua</i> [.....] f) <i>Giá dịch vụ Phát hành</i> Đơn vị Quý được phát hành tại Ngày Giao dịch cho mỗi Đơn vị Quý cộng với Giá dịch vụ Phát hành. Giá dịch vụ Phát hành được thanh toán cho Chubb Life FMC khi phát hành Chứng chỉ Quý.	17.5 Mua Đơn vị Quý a) <i>Đơn Đăng ký</i> [Nội dung giữ nguyên không thay đổi] b) <i>Xử lý Đơn Đăng ký/phiếu Lệnh Mua</i> Nhà Đầu tư có thể nộp Đơn Đăng ký hoặc phiếu Lệnh Mua sau khi điền đầy đủ thông tin, kèm theo <u>đầy đủ các tài liệu hợp lệ xác nhận việc hoàn tất thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quý</u> và các giấy tờ yêu cầu <u>khác</u> vào bất kỳ Ngày Làm việc nào tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh của bất kỳ Đại lý Phân phối nào. [các nội dung còn lại của Điểm b) giữ nguyên không thay đổi] c) <i>Tuân thủ</i> [Nội dung giữ nguyên không thay đổi] d) <i>Chấp nhận Đơn Đăng ký/phiếu Lệnh Mua</i> [Nội dung giữ nguyên không thay đổi] [Nội dung giữ nguyên không thay đổi] [Nội dung giữ nguyên không thay đổi] Số lượng Đơn vị Quý có thể là số lẻ ở dạng thập phân, sẽ được làm tròn tới số hàng thứ hai sau dấu phẩy đến hai số thập phân bằng cách làm tròn xuống số thập phân thứ ba. Số Đơn vị Quý lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại Đơn vị Quý của Nhà Đầu tư hoặc bất kỳ hình thức tái cấu trúc (tách, hợp nhất, sáp nhập) nào của Quý. e) <i>Tạm dừng thực hiện Lệnh Mua</i> [Nội dung giữ nguyên không thay đổi] f) <i>Giá dịch vụ Phát hành</i> Đơn vị Quý được phát hành tại Ngày Giao dịch cho mỗi Đơn vị Quý cộng với Giá dịch vụ Phát hành. Giá dịch vụ

	<u>Phát hành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giá trị của Lệnh Mua, do Công ty Quản lý Quỹ Quy định tại Bản cáo bạch và công bố công khai vào từng thời điểm.</u> Giá dịch vụ Phát hành được thanh toán cho Chubb Life FMC khi phát hành Chứng chỉ Quỹ. Chubb Life FMC có thể thay đổi Giá dịch vụ Phát hành đối với Đơn vị Quỹ phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ. Việc tăng Giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức Giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức Giá dịch vụ Phát hành mới tăng sớm nhất là chín (90) ngày kể từ ngày Chubb Life FMC công bố về các mức phí mới trên trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC.	Chubb Life FMC có thể thay đổi Giá dịch vụ Phát hành đối với Đơn vị Quỹ phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ. Việc tăng Giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức Giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức Giá dịch vụ Phát hành mới tăng sớm nhất là chín (90) ngày kể từ ngày Chubb Life FMC công bố về các mức phí mới trên trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC.
	<u>Phát hành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giá trị của Lệnh Mua, do Công ty Quản lý Quỹ Quy định tại Bản cáo bạch và công bố công khai vào từng thời điểm.</u> Giá dịch vụ Phát hành được thanh toán cho Chubb Life FMC khi phát hành Chứng chỉ Quỹ. Chubb Life FMC có thể thay đổi Giá dịch vụ Phát hành đối với Đơn vị Quỹ phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ. Việc tăng Giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức Giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức Giá dịch vụ Phát hành mới tăng sớm nhất là sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Chubb Life FMC công bố về các mức phí mới trên trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC.	Chubb Life FMC có thể thay đổi Giá dịch vụ Phát hành đối với Đơn vị Quỹ phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ. Việc tăng Giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức Giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức Giá dịch vụ Phát hành mới tăng sớm nhất là chín (90) ngày kể từ ngày Chubb Life FMC công bố về các mức phí mới trên trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC.
	17.6 Bán Đơn vị Quỹ a) <u>Phiếu Lệnh Bán</u> [nội dung giữ nguyên không thay đổi] b) <u>Xử lý Lệnh Bán</u> [nội dung giữ nguyên không thay đổi] [nội dung giữ nguyên không thay đổi] [nội dung giữ nguyên không thay đổi] [nội dung giữ nguyên không thay đổi] Giá Mua lại (sau khi đã trừ Giá dịch vụ Mua Lại và thuế) sẽ được thanh toán trong vòng năm (05) Ngày làm việc kể từ Ngày Giao dịch, trừ trường hợp quy định tại Khoản 18.3 Điều lệ quỹ. Phí ngân hàng phát sinh từ việc chuyển tiền Giá Mua lại tới tài khoản của Nhà Đầu tư sẽ được khấu trừ từ Giá Mua lại. [nội dung giữ nguyên không thay đổi] c) <u>Lệnh Bán tối thiểu và số dư tài khoản tối thiểu</u> [nội dung giữ nguyên không thay đổi] d) <u>Thực hiện một phần Lệnh Bán và tạm dừng thực hiện Lệnh Bán</u> [nội dung giữ nguyên không thay đổi] e) <u>Giá dịch vụ Mua lại</u> [nội dung giữ nguyên không thay đổi]	17.6 Bán Đơn vị Quỹ a) <u>Phiếu Lệnh Bán</u> [.....] b) <u>Xử lý Lệnh Bán</u> [.....] [.....] [.....] [.....] Giá Mua lại (sau khi đã trừ Giá dịch vụ Mua Lại và thuế) sẽ được thanh toán trong vòng năm (05) Ngày làm việc kể từ Ngày Giao dịch. Phí ngân hàng phát sinh từ việc chuyển tiền Giá Mua lại tới tài khoản của Nhà Đầu tư sẽ được khấu trừ từ Giá Mua lại. [.....] c) <u>Lệnh Bán tối thiểu và số dư tài khoản tối thiểu</u> [.....] d) <u>Thực hiện một phần Lệnh Bán và tạm dừng thực hiện Lệnh Bán</u> [.....] e) <u>Giá dịch vụ Mua lại</u> [.....]

		[nội dung giữ nguyên không thay đổi]	Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi Giá dịch vụ Mua lại phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ. Việc tăng mức Giá dịch vụ Mua lại chỉ được thực hiện khi mức Giá dịch vụ Mua lại sau khi tăng không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị dung mức Giá dịch vụ Mua lại mới sớm nhất là <u>sau sáu mươi (60) ngày</u> kể từ ngày công bố về các mức Giá dịch vụ Mua lại mới trên trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC.	[.....]	Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi Giá dịch vụ Mua lại phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ. Việc tăng mức Giá dịch vụ Mua lại chỉ được thực hiện khi mức Giá dịch vụ Mua lại sau khi tăng không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị dung mức Giá dịch vụ Mua lại mới sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Chubb Life FMC công bố về các mức Giá dịch vụ Mua lại mới trên trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC.
		17.7 Chuyển đổi Đơn vị Quỹ	a) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] b) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] c) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] d) Lệnh Chuyển đổi được thực hiện theo các nguyên tắc sau: i. Lệnh Bán đối với Chứng chỉ Quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu; ii. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng; iii. Nhà Đầu tư chỉ phải thanh toán Giá dịch vụ Chuyển đổi, không phải thanh toán Giá Bán, Giá dịch vụ Mua lại đối với các lệnh giao dịch nói trên. Lưu ý: [nội dung giữ nguyên không thay đổi]	17.7 Chuyển đổi Đơn vị Quỹ	a) [.....] b) [.....] c) [.....] d) Lệnh Chuyển đổi được thực hiện theo các nguyên tắc sau: i. Lệnh Bán đối với Chứng chỉ Quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu; ii. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng; iii. Nhà Đầu tư chỉ phải thanh toán Giá dịch vụ Chuyển đổi, không phải thanh toán Giá Bán, Giá dịch vụ Mua lại đối với các lệnh giao dịch nói trên. Lưu ý: [.....]
13	CHƯƠNG III	Điều 18. Thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ	Điều 18. Thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ	Sửa đổi theo Điều 33 Thông tư 98/2020/TT-BTC	
	Điều 18 Điều	18.2. Đối với việc mua lại <i>thực hiện</i> một phần của Lệnh Bán, Lệnh Mua, Lệnh Chuyển đổi, Chubb Life FMC được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ, tức là phần <i>phần</i> lệnh áp dụng	18.2. Đối với việc mua lại một phần của Lệnh Bán, Lệnh Chuyển đổi, Chubb Life FMC được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ, tức là phần lệnh chưa thực		

chính Khoản 18.2, 18.3, 18.4, 18.5, 18.6	<i>chưa thực hiện được cùng với các lệnh tới sau để thực hiện, bảo đảm tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch là như nhau phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà Đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.</i> Trong trường hợp Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần, mức tối thiểu cho các Lệnh Bán và số dư tài khoản tối thiểu sẽ không áp dụng.	hiện được ghép cùng với các lệnh tới sau để thực hiện, bảo đảm tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch là như nhau. Trong trường hợp Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần, mức tối thiểu cho các Lệnh Bán và số dư tài khoản tối thiểu sẽ không áp dụng.
18.3.	Đối với trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 18.1 Điều 18 này, Chubb Life FMC được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày sau khi được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận, kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.	18.3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 này, Chubb Life FMC được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày, kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
18.4.	Chứng chỉ Quỹ có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây: a) [Nội dung giữ nguyên không thay đổi] b) Chubb Life FMC không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào Ngày Định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ do Sở Giao-dịch-Chứng khoán-quyết định đình chỉ giao-dịch-chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán; hoặc c) [Nội dung giữ nguyên không thay đổi]	18.4. Chứng chỉ Quỹ có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây: a) [.....] b) Chubb Life FMC không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào Ngày Định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ; hoặc c) [.....]
18.5.	Chubb Life FMC phải báo cáo Ban Đại diện quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 18.4 Điều 18 này trừ trường hợp theo yêu cầu của UBCKNN và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ ngay sau khi sự kiện đó chấm dứt.	18.5. Chubb Life FMC phải báo cáo Ban Đại diện quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều 18 này và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ ngay sau khi sự kiện đó chấm dứt.
18.6.	Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ CBPF không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.	18.6. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ CBPF không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.
14 CHƯƠNG III Điều 19 Điều	Điều 19. Giá Phát hành lần đầu, Giá Bán, Giá Mua lại và các giá dịch vụ khác 19.6. Việc tăng các mức phí giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức phí giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức	Điều 19. Giá Phát hành lần đầu, Giá Bán, Giá Mua lại và các giá dịch vụ khác 19.6. Việc tăng các mức phí chỉ được thực hiện khi mức phí sau khi tăng không vượt quá các mức tối đa theo quy Sửa đổi theo Điều 34 Thông tư 98/2020/TT-BTC

	chính Khoản 19.6	tối đa theo quy định của Pháp luật. Thời điểm áp dụng mức phí mới tăng sớm nhất là chín tháng kể từ ngày <u>sau sáu chín</u> <u>mười (960)</u> ngày kể từ ngày <u>Bản cáo bạch được cập nhật các nội dung thay đổi và được Chubb Life FMC công bố về các mức giá dịch vụ mới trên phương tiện công bố thông tin</u> <u>trên trang thông tin điện tử</u> của Chubb Life FMC. và/hoặc <u>Đại lý Phân phối. Thời điểm công bố thông tin liên quan đến Bản cáo bạch sửa đổi là ngày thứ mười sáu (16) kể từ ngày nộp Bản cáo bạch cập nhật cho UBCKNN và không nhận được ý kiến phản đối bằng văn bản của UBCKNN.</u>	định của Pháp luật. Thời điểm áp dụng mức phí mới tăng sớm nhất là chín tháng kể từ ngày <u>sau sáu chín</u> <u>mười (960)</u> ngày kể từ ngày <u>Bản cáo bạch được cập nhật các nội dung thay đổi và được Chubb Life FMC và/hoặc Đại lý Phân phối. Thời điểm công bố thông tin liên quan đến Bản cáo bạch sửa đổi là ngày thứ mười sáu (16) kể từ ngày nộp Bản cáo bạch cập nhật cho UBCKNN và không nhận được ý kiến phản đối bằng văn bản của UBCKNN.</u>	
15	CHƯƠNG III Điều 20 Điều chính Khoản 20.2	Điều 20. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ 20.2 Chubb Life FMC sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà Đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.	Điều 20. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ 20.2 Chubb Life FMC sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà Đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.	Điều chỉnh để thuận lợi hơn cho hoạt động của Quỹ
16	CHƯƠNG IV Điều 21	Điều 21. Đại hội Nhà Đầu tư 21.1. Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ. Tất cả các Nhà Đầu tư có tên trong <u>danh sách</u> <u>số đăng ký Nhà Đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư</u> đều có quyền tham dự đại hội. 21.2. <u>Đại hội nhà đầu tư thông qua Nghị quyết/quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Đại hội Nhà Đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, bỏ phiếu điện tử E-voting, tham dự hội nghị trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe nhìn khác theo quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của pháp luật.</u> Chubb Life FMC, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư là phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ. Trường hợp quyết định không phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ và Pháp luật, thì phải tổ chức họp lại Đại hội Nhà Đầu tư hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để biểu quyết và thông qua.	Điều 21. Đại hội Nhà Đầu tư 21.1. Đại hội Nhà Đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ. Tất cả các Nhà Đầu tư có tên trong danh sách đăng ký Nhà Đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư đều có quyền tham dự đại hội. Đại hội Nhà Đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, bỏ phiếu điện tử E-voting, tham dự hội nghị trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe nhìn khác theo quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của pháp luật. Chubb Life FMC, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư là phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ. Trường hợp quyết định không phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ và Pháp luật, thì phải tổ chức họp lại Đại hội Nhà Đầu tư hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để biểu quyết và thông qua.	Sửa đổi theo Điều 17, 18 Thông tư 98/2020/TT-BTC

	<u>quyết và thông qua.</u>	21.3. Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư thường niên do Chubb Life FMC triệu tập và được tổ chức trong <u>vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại diện Quý, cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBKCNN.</u> Tùy thuộc quyết định của Chubb Life FMC, việc họp Đại hội Nhà Đầu tư thường niên có thể được tổ chức theo hình thức họp trực tiếp hoặc theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo thể thức quy định tại Điều 24 Điều lệ Quý và phù hợp với quy định của pháp luật. 21.4. Đại hội Nhà Đầu tư bất thường được Chubb Life FMC triệu tập trong các trường hợp sau: - Chubb Life FMC xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quý; - theo yêu cầu của Ngân hàng Giám sát hoặc Ban Đại diện Quý <u>khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quý;</u> - theo yêu cầu của Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư <u>đại diện cho ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số Đơn vị Quý đang lưu hành trong vòng ít nhất sáu (06) tháng tính tới thời điểm triệu tập đại hội quy định tại Điểm b Khoản 15.3 Điều 15 Điều lệ này;</u> hoặc - các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và <u>của Điều lệ này.</u> Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Chubb Life FMC có quyết định triệu tập họp bất thường hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư. <u>Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại Khoản 21.4 này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải</u>
		21.2. Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư thường niên do Chubb Life FMC triệu tập và được tổ chức trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Tùy thuộc quyết định của Chubb Life FMC, việc họp Đại hội Nhà Đầu tư thường niên có thể được tổ chức theo hình thức họp trực tiếp hoặc theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo thể thức quy định tại Điều 24 Điều lệ Quý và phù hợp với quy định của pháp luật. 21.3. Đại hội Nhà Đầu tư bất thường được Chubb Life FMC triệu tập trong các trường hợp sau: - Chubb Life FMC xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quý; - theo yêu cầu của Ngân hàng Giám sát hoặc Ban Đại diện Quý; - theo yêu cầu của Nhà Đầu tư hoặc nhóm Nhà Đầu tư đại diện cho ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số Đơn vị Quý đang lưu hành trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập đại hội; hoặc - các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại khoản này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Chubb Life FMC có quyết định triệu tập họp bất thường hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu tư.

17	CHƯƠNG IV Điều 22	<u>bồi thường thiết hai phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trưởng hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại Khoản 21.4 này, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Đại diện Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát thay thế Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.</u> 21.5. Địa điểm họp Đại hội Nhà Đầu tư phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trưởng hợp cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội Nhà Đầu tư được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. 21.6. Trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến của Đại hội Nhà Đầu tư về các vấn đề quy định tại hoạch 4 điểm b) và c) của Điều 22 dưới đây, tùy thuộc vào quyết định riêng của Chubb Life FMC, Chubb Life FMC có thể lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản theo thể thức quy định tại Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà Đầu tư. 21.7. Ban Đại diện Quỹ được thay mặt Nhà Đầu tư xem xét thông qua quy chế của việc tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản dưới các hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác tuân thủ theo các quy định hiện hành.	21.4. Địa điểm họp Đại hội Nhà Đầu tư phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trưởng hợp cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội Nhà Đầu tư được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. 21.5. Trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến của Đại hội Nhà Đầu tư về các vấn đề quy định tại khoản 2, 3 hoặc 4 của Điều 22 dưới đây, tùy thuộc vào quyết định riêng của Chubb Life FMC, Chubb Life FMC có thể lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản theo thể thức quy định tại Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà Đầu tư. 21.6. Ban Đại diện Quỹ được thay mặt Nhà Đầu tư xem xét thông qua quy chế của việc tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản dưới các hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác tuân thủ theo các quy định Pháp luật hiện hành.	Sửa đổi theo Điều 17 Thông tư 98/2020/TT-BTC
		Điều 22. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà Đầu tư Đại hội Nhà Đầu tư sẽ thảo luận và thông qua các vấn đề sau: 22.1 sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ, Hợp đồng Giám sát, phương án phân phối lợi nhuận; 22.2 quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; 22.3 tăng mức phí trả cho Chubb Life FMC, Ngân hàng Giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; 22.4 sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ;	Điều 22. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà Đầu tư Đại hội Nhà Đầu tư sẽ thảo luận và thông qua các vấn đề sau: 22.1 sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ, Hợp đồng Giám sát; phương án phân phối lợi nhuận; 22.2 quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; 22.3 tăng mức phí trả cho Chubb Life FMC, Ngân hàng Giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;	

		22.5—tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ; tách Quỹ; 22.6—giải thể Quỹ; 22.7—bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch hoặc thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; 22.8—lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ; và 22.9—các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định của Pháp luật về chứng khoán. a) <u>Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;</u> b) <u>Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;</u> c) <u>Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;</u> d) <u>Phương án phân phối lợi tức;</u> e) <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;</u> f) <u>Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và Ban Đại diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ;</u> g) <u>Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà Đầu tư;</u> h) <u>Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định Pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ.</u>	22.4 sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ; 22.5 tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ; tách Quỹ; 22.6 giải thể Quỹ; 22.7 bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch hoặc thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; 22.8 lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ; và 22.9 các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định của Pháp luật về chứng khoán.	
18	CHƯƠNG IV	Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, <u>thông qua quyết định</u> Đại hội Nhà Đầu tư	Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà Đầu tư	Sửa đổi theo Điều 10, 17,18 Thông tư

Điều 23 Điều chỉnh Khoản 23.1, 23.2, 23.3, 23.6, 23.7, 23.8	23.1. Chubb Life FMC phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư: a) lập thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà Đầu tư tương ứng với chương trình họp, <u>nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và báo cáo gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan tới thiếu mười lăm (15) ngày làm việc trước ngày diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư và thông báo công khai cho Nhà Đầu tư tối thiểu mười (10) ngày trước khi tiến hành cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư, trong đó nêu rõ lý do, mục tiêu cuộc họp, đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội Nhà Đầu tư, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp tối thiểu hai mươi mốt (21) ngày trước ngày diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư;</u> b) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] c) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] 23.2. Nhà Đầu tư có thể tham dự <u>tham dự</u> Đại hội Nhà Đầu tư <u>dưới các hình thức tham dự trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham dự đại hội hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định tại Điều lệ này.</u> Việc ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội Nhà Đầu tư phải tuân thủ các quy định về ủy quyền theo Pháp luật và phải được lập thành văn bản theo mẫu do Chubb Life FMC phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội Nhà Đầu tư phải nộp văn bản ủy quyền cho ban tổ chức cuộc họp trước khi vào phòng họp. 23.3. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư a) Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ đang tiến hành trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia	98/2020/TT-BTC 23.1 Chubb Life FMC phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư: a) lập thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà Đầu tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu mười lăm (15) ngày và thông báo công khai cho Nhà Đầu tư tối thiểu mười (10) ngày trước khi tiến hành cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư; b) [.....] c) [.....] 23.2 Nhà Đầu tư có thể trực tiếp tham dự Đại hội Nhà Đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham dự đại hội. Việc ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội Nhà Đầu tư phải tuân thủ các quy định về ủy quyền theo Pháp luật và phải được lập thành văn bản theo mẫu do Chubb Life FMC phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội Nhà Đầu tư phải nộp văn bản ủy quyền cho ban tổ chức cuộc họp trước khi vào phòng họp. 23.3 Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư a) Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành.
---	--	---

		<u>có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thức hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định tại Điều lệ quỹ.</u> b) [nội dung giữ nguyên không thay đổi]	b) [.....]
	23.6. Một Nhà Đầu tư được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư theo một trong các trường hợp sau đây: a) Nhà Đầu tư đó tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Nhà Đầu tư đó ủy quyền cho một người cá nhân/lỗ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) Nhà Đầu tư đó tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc một hình thức điện tử khác; hoặc d) Nhà Đầu tư đó gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax hoặc thư điện tử.	23.6 Một Nhà Đầu tư được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư theo một trong các trường hợp sau đây: a) Nhà Đầu tư đó tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Nhà Đầu tư đó ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) Nhà Đầu tư đó tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc một hình thức điện tử khác; hoặc d) Nhà Đầu tư đó gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax hoặc thư điện tử.	23.6 Một Nhà Đầu tư được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư theo một trong các trường hợp sau đây: a) Nhà Đầu tư đó tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Nhà Đầu tư đó ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) Nhà Đầu tư đó tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc một hình thức điện tử khác; hoặc d) Nhà Đầu tư đó gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax hoặc thư điện tử.
	23.7. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp khi: a) trừ trường hợp quy định tại Điểm (b) Khoản 23.7 Điều 23 này, quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua khi được số Nhà Đầu tư đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số Đơn vị Quỹ phiếu biểu quyết của các tất cả Nhà Đầu tư dự họp tán thành; và b) đối với các nội dung quy định tại khoản 2, 3 hoặc 4 Điểm b), c) Điều 22 trên đây, quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua khi số Nhà Đầu tư đại diện ít nhất trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số Đơn vị Quỹ phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà Đầu tư dự họp tán thành.	23.7 Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp khi: a) trừ trường hợp quy định tại điểm (b) khoản 7 Điều 23 này, quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua khi được số Nhà Đầu tư đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ biểu quyết của các Nhà Đầu tư dự họp tán thành; và b) đối với các nội dung quy định tại khoản 2, 3 hoặc 4 Điều 22 trên đây, quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua khi số Nhà Đầu tư đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà Đầu tư dự họp tán thành.	23.7 Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp khi: a) trừ trường hợp quy định tại điểm (b) khoản 7 Điều 23 này, quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua khi được số Nhà Đầu tư đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà Đầu tư dự họp tán thành; và b) đối với các nội dung quy định tại khoản 2, 3 hoặc 4 Điều 22 trên đây, quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu tư được thông qua khi số Nhà Đầu tư đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà Đầu tư dự họp tán thành.
	23.8. Trong thời hạn hai mươi bốn giờ (24h) sau khi kết thúc Đại hội Nhà Đầu tư, Chubb Life FMC và Ban Đại diện Quỹ	23.8 Trong thời hạn hai mươi bốn giờ (24h) sau khi kết thúc Đại hội Nhà Đầu tư, Chubb Life FMC và Ban Đại diện	23.8 Trong thời hạn hai mươi bốn giờ (24h) sau khi kết thúc Đại hội Nhà Đầu tư, Chubb Life FMC và Ban Đại diện

	định <u>Nghị quyết</u> của Đại hội Nhà Đầu tư đến tất cả các Nhà Đầu tư có quyền cho ý kiến bằng văn bản tới <u>thiếu hai mươi một (21) ngày và gửi toàn bộ tài liệu của đợt lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư bằng văn bản đến UBCKNN tối thiểu mười bảy (1907) ngày làm việc trước hết hạn ngày cuối cùng phải gửi ý kiến về Chubb Life FMC.</u> Nhà Đầu tư có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Chubb Life FMC theo một trong các hình thức sau đây: • [nội dung giữ nguyên không thay đổi] • [nội dung giữ nguyên không thay đổi] • [nội dung giữ nguyên không thay đổi] d) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] Biên bản kiểm phiếu phải có những nội dung chủ yếu sau: i) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] ii) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] iii) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] iv) số Nhà Đầu tư với tổng số phiếu tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề, <u>phương thức gửi phiếu biểu quyết</u> kèm theo phụ lục danh sách Nhà Đầu tư đã tham gia biểu quyết; v) các quyết định đã được thông qua <u>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng</u>; và vi) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] e) [nội dung giữ nguyên không thay đổi]	Đầu tư đến tất cả các Nhà Đầu tư có quyền cho ý kiến bằng văn bản và UBCKNN tối thiểu mười (10) ngày trước thời hạn cuối cùng gửi ý kiến về Chubb Life FMC. Nhà Đầu tư có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Chubb Life FMC theo một trong các hình thức sau đây: • [.....] • [.....] • [.....] [.....] d) [.....] Biên bản kiểm phiếu phải có những nội dung chủ yếu sau: i) [.....] ii) [.....] iii) [.....] iv) số Nhà Đầu tư với tổng số phiếu tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề kèm theo phụ lục danh sách Nhà Đầu tư đã tham gia biểu quyết; v) các quyết định đã được thông qua; và vi) [.....] e) [.....]
	24.2. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua nếu được số Nhà Đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số Đơn vị Quỹ <u>phiếu biểu quyết của tất cả</u> Nhà Đầu tư có quyền biểu quyết tán	24.2. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua nếu được số Nhà Đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Đơn vị Quỹ của các Nhà Đầu tư biểu quyết tán thành. Quyết định được thông qua

		thành. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư. <u>Tuy nhiên đối với các vấn đề quy định tại Điểm b) và c) của Điều 22 Điều lệ quỹ, Công ty Quản lý Quỹ không được tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản mà phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại Điều 23 Điều lệ quỹ.</u>	theo hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư.		
		24.3. Trong thời hạn hai mươi bốn giờ (24h) sau khi kết thúc việc lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản, Chubb Life FMC, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu và <u>Quyết định Nghị quyết</u> Đại hội Nhà Đầu tư. Biên bản kiểm phiếu và <u>Quyết định Nghị quyết</u> Đại hội Nhà Đầu tư phải gửi cho Nhà Đầu tư (nếu có yêu cầu), UBCKNN, Ngân hàng Giám sát và và <u>Quyết định</u> của Đại hội Nhà Đầu tư sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC. Tất cả các Biên bản kiểm phiếu của Đại hội Nhà Đầu tư được lưu giữ ở trụ sở chính của Chubb Life FMC.	24.3. Trong thời hạn hai mươi bốn giờ (24h) sau khi kết thúc việc lấy ý kiến Nhà Đầu tư bằng văn bản, Chubb Life FMC, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu và Quyết định Đại hội Nhà Đầu tư. Biên bản kiểm phiếu và Quyết định Đại hội Nhà Đầu tư phải gửi cho Nhà Đầu tư (nếu có yêu cầu), UBCKNN, Ngân hàng Giám sát và và Quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC. Tất cả các Biên bản kiểm phiếu của Đại hội Nhà Đầu tư được lưu giữ ở trụ sở chính của Chubb Life FMC.		
20	CHƯƠNG IV Điều 25	Điều 25. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư 25.1. Nhà Đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại Điểm (h) Khoản 28.1 Điều 28 dưới đây) về một số các nội dung quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điểm b), c) Điều 22 nêu trên có thể <u>quyền</u> yêu cầu Chubb Life FMC mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ mở khác cùng <u>loại hình</u> thuộc quản lý của Chubb Life FMC mà có cùng chính sách đầu tư. Yêu cầu mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà Đầu tư, số lượng Đơn vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc để nghị chuyển đổi sang quỹ có cùng chính sách đầu tư do Chubb Life FMC quản lý, và phải được Nhà Đầu tư gửi cho Chubb Life FMC, Đại lý Ký danh trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ, tùy từng trường hợp cụ thể, thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.	Điều 25. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư 25.1. Nhà Đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà Đầu tư theo quy định tại điểm (h) khoản 1 Điều 28 dưới đây) về một số các nội dung quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 22 có thể yêu cầu Chubb Life FMC mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ mở khác cùng thuộc quản lý của Chubb Life FMC mà có cùng chính sách đầu tư. Yêu cầu mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà Đầu tư, số lượng Đơn vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc để nghị chuyển đổi sang quỹ có cùng chính sách đầu tư do Chubb Life FMC quản lý, và phải được Nhà Đầu tư gửi cho Chubb Life FMC, Đại lý Ký danh trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ, tùy từng trường hợp cụ thể, thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.	Sửa đổi theo Điều 18, Điều lệ mẫu Thông tư 98/2020/TT-BTC	

		Quý, tùy từng trường hợp cụ thể, Chubb Life FMC có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư phân bổ quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quý theo quy định tại Khoản 25.1 Điều 25 này. Trong trường hợp này, Chứng chỉ Quỹ được mua lại hoặc chuyển đổi theo Khoản 1 Điều 25 này tại mức giá được xác định trên cơ sở Giá trị Tài sản Ròng của Quý tại ngày họp Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quý, tùy từng trường hợp cụ thể, và Nhà Đầu tư không phải thanh toán Giá dịch vụ Mua lại hoặc Giá dịch vụ Chuyển đổi.	diện Quý, tùy từng trường hợp cụ thể, Chubb Life FMC có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu tư phân bổ quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quý theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 này. Trong trường hợp này, Chứng chỉ Quỹ được mua lại hoặc chuyển đổi theo Khoản 1 Điều 25 này tại mức giá được xác định trên cơ sở Giá trị Tài sản Ròng của Quý tại ngày họp Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quý, tùy từng trường hợp cụ thể, và Nhà Đầu tư không phải thanh toán Giá dịch vụ Mua lại hoặc Giá dịch vụ Chuyển đổi.	Sửa đổi theo Điều 19 Thông tư 98/2020/TT-BTC và Điều lệ mẫu
21	CHƯƠNG V Điều 26	Điều 26. Ban Đại diện Quý 26.1. Ban Đại diện Quý có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên được bầu tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư hoặc được Nhà Đầu tư cho ý kiến bằng văn bản. Trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện Quý là các thành viên độc lập. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện Quý phải tuân thủ quy định sau: a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Đại diện Quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ chậm nhất mười (10) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư để bầu thành viên Ban Đại diện Quý. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan; b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Đại diện Quý thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Đại diện Quý đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện	Điều 26. Ban Đại diện Quý 26.1. Ban Đại diện Quý có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện Quý là các thành viên độc lập.	Sửa đổi theo Điều 19 Thông tư 98/2020/TT-BTC và Điều lệ mẫu

		<u>quỹ đương nhiệm để cử ứng viên Ban Đại diện Quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;</u> c) <u>Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại diện quỹ: Thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.</u> 26.2. <u>Tối thiểu 2/3 số thành viên của Ban Đại diện quỹ là các thành viên độc lập theo nguyên tắc sau:</u> a) <u>Không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này;</u> b) <u>Đáp ứng các quy định khác tại Điều lệ này.</u>	26.3. Trong Ban Đại diện Quỹ phải có: a) tối thiểu một (01) thành viên độc lập, có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán; b) tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản; và c) tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về Pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán. 26.3. Nhiệm kỳ của Ban Đại diện Quỹ là ba (03) năm, các thành viên Ban Đại diện Quỹ có thể được bầu lại mà không giới hạn số nhiệm kỳ.	
22	CHƯƠNG V Điều 27	<u>Nhiệm kỳ của Ban Đại diện Quỹ là ba (03) năm; các thành viên Ban Đại diện Quỹ có thể được bầu lại mà không giới hạn số nhiệm kỳ.</u> [dời xuống và điều chỉnh tại Khoản 27.1 Điều 27 như bên dưới] Điều 27. <u>Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ</u> 27.1. <u>Nhiệm kỳ của thành viên Ban Đại diện Quỹ là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u> 27.2. Thành viên Ban Đại diện Quỹ phải đảm bảo các điều kiện sau:	Điều 27. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ 27.1 Thành viên Ban Đại diện Quỹ phải đảm bảo các điều kiện sau:	Sửa đổi theo Điều 19 Thông tư 98/2020/TT-BTC và Điều lệ mẫu

	a) có đủ năng lực hành vi dân sự; b) không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo <u>Luật Doanh nghiệp hiện hành</u>; c) có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực tài chính hoặc ngân hàng hoặc bảo hiểm hoặc chứng khoán hoặc kế toán, kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực vừa nêu; và d) không phải là Người có Liên quan của Chubb Life FMC và Ngân hàng Giám sát (đối với thành viên độc lập).	a) có đủ năng lực hành vi dân sự; b) không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp; c) có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực tài chính hoặc ngân hàng hoặc bảo hiểm hoặc chứng khoán hoặc kế toán, kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực vừa nêu; và d) không phải là Người có Liên quan của Chubb Life FMC và Ngân hàng Giám sát (đối với thành viên độc lập).	
	27.3. <u>Những người sau đây không được là thành viên Ban Đại diện quỹ:</u> a) <u>Các trưởng hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị;</u> b) <u>Là thành viên của trên năm (05) Ban đại diện quỹ đại chúng. Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.</u>	Không có	
	27.4. Thành viên Ban Đại diện Quỹ không nhất thiết phải sở hữu Chứng chỉ Quỹ. 27.5. Nếu thành viên là Chủ tịch, Phó chủ tịch (nếu có) Ban Đại diện Quỹ thì phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của quỹ đầu tư.	27.2 Thành viên Ban Đại diện Quỹ không nhất thiết phải sở hữu Chứng chỉ Quỹ. 27.3 Nếu thành viên là Chủ tịch, Phó chủ tịch (nếu có) Ban Đại diện Quỹ thì phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của quỹ đầu tư.	
23	CHƯƠNG V Điều 28	Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ 28.1. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ Ngoài các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ quỹ và Pháp luật có liên quan, Ban Đại diện Quỹ còn có các quyền và nghĩa vụ như sau: a) đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu tư; b) phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp bảo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định Giá trị Tài sản	Sửa đổi theo Điều 19 Thông tư 98/2020/TT-BTC

[illegible]

	<u>tin đối với Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.</u> i) <u>thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.</u> 28.2. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban Đại diện Quỹ ra quyết định các vấn đề theo quy định tại điểm (b) của khoản 1 Điều 28 này, Ban Đại diện Quỹ, thông qua Chubb Life FMC, phải gửi UBCKNN và Ngân hàng Giám sát biên bản họp và quyết định của Ban Đại diện Quỹ, đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà Đầu tư theo phương thức quy định tại Điều lệ quỹ. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp và quyết định của Ban Đại diện Quỹ và các tài liệu khác liên quan, nếu UBCKNN không có ý kiến bằng văn bản, Chubb Life FMC và các tổ chức liên quan được tổ chức thực hiện quyết định của Ban Đại diện Quỹ theo quy định của Pháp luật. j) Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ quỹ và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.	Ban Đại diện Quỹ và các tài liệu khác liên quan, nếu UBCKNN không có ý kiến bằng văn bản, Chubb Life FMC và các tổ chức liên quan được tổ chức thực hiện quyết định của Ban Đại diện Quỹ theo quy định của Pháp luật. 28.3. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ quỹ và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
	28.2. <u>Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ</u> a) <u>Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và Điều lệ quỹ;</u> b) <u>Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cân trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ;</u> c) <u>Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban Đại diện Quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;</u> d) <u>Ban Đại diện Quỹ Không được trực tiếp hay gián tiếp cung cấp các thông tin bảo mật về hoạt động đầu tư,</u>	28.4. Ban Đại diện Quỹ không được trực tiếp hay gián tiếp cung cấp các thông tin bảo mật về hoạt động đầu tư,

V Điều 31	nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại diện Quý 31.1. <u>Thành viên Ban Đại diện Quý sẽ được bổ nhiệm tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư hoặc được Nhà Đầu tư cho ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều 26.1 Điều lệ quỹ.</u> 31.2. <u>Thành viên Ban Đại diện Quý sẽ bị Đại hội Nhà Đầu tư miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư khi thành viên Ban Đại diện Quý có đơn xin từ chức gửi Ban Đại diện Quý. Ban Đại diện Quý có trách nhiệm trình đơn xin từ chức đó để Đại hội Nhà Đầu tư xem xét, quyết định. Việc từ chức của thành viên Ban Đại diện Quý chỉ có hiệu lực kể từ ngày có quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư về việc miễn nhiệm thành viên Ban Đại diện Quý đó, tuy nhiên thành viên Ban Đại diện Quý đó không được hưởng thù lao khi không thực hiện nhiệm vụ Đại hội Nhà Đầu tư miễn nhiệm thành viên Ban Đại diện Quý trong trường hợp sau đây:</u> a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Điều lệ quỹ; b) Có đơn từ chức và được chấp thuận. Việc từ chức của thành viên Ban Đại diện Quý chỉ có hiệu lực kể từ ngày có quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư về việc miễn nhiệm thành viên Ban Đại diện Quý đó, tuy nhiên thành viên Ban Đại diện Quý đó không được hưởng thù lao khi không thực hiện nhiệm vụ. 31.3. <u>Thành viên Ban Đại diện Quý sẽ bị Đại hội Nhà Đầu tư bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư theo một trong các trường hợp sau:</u> a) bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định khởi tố hoặc truy tố; b) bị toà án hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tuyên bố mất tích, mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; c) thuộc vào các trường hợp không được đảm nhiệm danh thành viên Ban Đại diện Quý theo quy định của Điều lệ quỹ và Pháp luật có liên quan; d) tiết lộ các thông tin bảo mật làm ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của Quý hoặc của một bên	Không có 31.2. Thành viên Ban Đại diện Quý sẽ bị Đại hội Nhà Đầu tư miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư khi thành viên Ban Đại diện Quý có đơn xin từ chức gửi Ban Đại diện Quý. Ban Đại diện Quý có trách nhiệm trình đơn xin từ chức đó để Đại hội Nhà Đầu tư xem xét, quyết định. Việc từ chức của thành viên Ban Đại diện Quý chỉ có hiệu lực kể từ ngày có quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư về việc miễn nhiệm thành viên Ban Đại diện Quý đó, tuy nhiên thành viên Ban Đại diện Quý đó không được hưởng thù lao khi không thực hiện nhiệm vụ. 31.1. Thành viên Ban Đại diện Quý sẽ bị Đại hội Nhà Đầu tư bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư theo một trong các trường hợp sau: a) bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định khởi tố hoặc truy tố; b) bị toà án hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tuyên bố mất tích, mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; c) thuộc vào các trường hợp không được đảm nhiệm chức danh thành viên Ban Đại diện Quý theo quy định của Điều lệ quỹ và Pháp luật có liên quan; d) tiết lộ các thông tin bảo mật làm ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của Quý hoặc của một	Thông tư 98/2020/TT-BTC
-------------------------	--	--	------------------------------------

	thứ ba có thoả thuận bảo mật với Quý; e) không tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quý ba (03) lần liên tiếp mà không có lý do hợp lệ; f) không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 27.1 và 27.3 Điều 27 nêu trên; hoặc g) vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ quỹ khi thực hiện vụ và quyền hạn được giao Đại hội Nhà Đầu tư bất nhiệm thành viên Ban Đại diện Quý nếu thành viên đó không tham gia các hoạt động của Ban Đại diện Quý trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;	bên thứ ba có thoả thuận bảo mật với Quý; e) không tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quý ba (03) lần liên tiếp mà không có lý do hợp lệ; f) không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 27.1 và 27.3 Điều 27 nêu trên; hoặc g) vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ quỹ khi thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.	
31.4. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội Nhà Đầu tư quyết định thay thế thành viên Ban Đại diện Quý; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại diện Quý ngoài trường hợp quy định tại Khoản 31.2 và Khoản 31.3 Điều này.	31.4. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội Nhà Đầu tư quyết định thay thế thành viên Ban Đại diện Quý; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại diện Quý ngoài trường hợp quy định tại Khoản 31.2 và Khoản 31.3 Điều này.	Không có	
31.5. Trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quý bị bất-nhiệm hoặc miễn-nhiệm theo quy định tại khoản 1 hoặc 2 Điều 31 nêu trên, hoặc trường hợp cơ cấu Ban Đại diện Quý không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 26 nêu trên, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại diện Quý và Chubb Life FMC có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 Điều 27 trên đây để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quý cho tới khi Đại hội Nhà Đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế Ban Đại diện Quý phải triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban Đại diện Quý trong trường hợp sau đây: a) Số thành viên Ban Đại diện Quý bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Quỹ. Trường hợp này, Ban Đại diện Quý phải triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu tư trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; b) Số lượng thành viên độc lập Ban Đại diện Quý giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định Khoản 26.2 Điều 26 Điều lệ Quỹ;	31.3 Trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quý bị bất-nhiệm hoặc miễn-nhiệm theo quy định tại khoản 1 hoặc 2 Điều 31 nêu trên, hoặc trường hợp cơ cấu Ban Đại diện Quý không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 26 nêu trên, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại diện Quý và Chubb Life FMC có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 Điều 27 trên đây để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quý cho tới khi Đại hội Nhà Đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.		

	Quý trong thời hạn bảy (07) ngày <u>lâm việc</u> kể từ ngày nhận được đề nghị theo quy định tại Điều này. Chủ tịch Ban Đại diện Quý phải gửi thông báo mỗi họp chậm nhất ba (03) ngày <u>lâm việc</u> trước ngày họp. Thông báo mỗi họp phải xác định cụ thể thời gian và chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định và phải gửi cùng với các tài liệu sử dụng phiếu biểu quyết đến tất cả các thành viên Ban Đại diện Quý. Thông báo mỗi họp phải gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc đến được địa chỉ của từng thành viên Ban Đại diện Quý được đăng ký.	họp Ban Đại diện Quý trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị theo quy định tại Điều này. Chủ tịch Ban Đại diện Quý phải gửi thông báo mỗi họp chậm nhất ba (03) ngày trước ngày họp. Thông báo mỗi họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định và phải gửi cùng với các tài liệu sử dụng tại cuộc họp và mẫu phiếu biểu quyết đến tất cả các thành viên Ban Đại diện Quý. Thông báo mỗi họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Ban Đại diện Quý được đăng ký.
32.4. Cuộc họp Ban Đại diện Quý sẽ chỉ được tiến hành khi có hầu hết <u>từ hai phần ba</u> (2/3) tổng số thành viên của Ban Đại diện Quý tham dự <u>trở lên</u> dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm đa số từ năm mươi một phần trăm <u>từ năm mươi</u> (51%) (trên 50% số thành viên dự họp trở lên) trở lên.	32.3. Cuộc họp Ban Đại diện Quý sẽ chỉ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của Ban Đại diện Quý trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên.	
32.5. Cuộc họp Ban Đại diện Quý có thể thực hiện bằng một trong các phương thức như họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn và bằng hình thức khác theo luật.	32.4. Cuộc họp Ban Đại diện Quý có thể thực hiện bằng một trong các phương thức như họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn và bằng hình thức khác theo quy định của Pháp luật.	
32.6. Thành viên Ban Đại diện Quý không được ủy quyền cho người khác thay mặt thành viên đó để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Ban Đại diện Quý. Thành viên Ban Đại diện Quý được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Ban Đại diện Quý trong trường hợp sau đây: a) thành viên Ban Đại diện Quý đó tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) thành viên Ban Đại diện Quý đó tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, <u>hoặc bỏ phiếu điện tử</u> hoặc hình thức khác <u>điện tử</u> khác; hoặc c) thành viên Ban Đại diện Quý đó gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, hoặc thư điện tử.	32.5. Thành viên Ban Đại diện Quý không được ủy quyền cho người khác thay mặt thành viên đó để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Ban Đại diện Quý. Thành viên Ban Đại diện Quý được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp sau đây: a) thành viên Ban Đại diện Quý đó tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) thành viên Ban Đại diện Quý đó tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác; hoặc c) thành viên Ban Đại diện Quý đó gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, hoặc thư điện tử.	
32.7. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quý có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu	32.6. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quý có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền	

	<i>quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản phù hợp với khoản 5 Điều 32 trên đây. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết theo Khoản 53.6 Điều 32 trên đây, phiếu biểu quyết phải được đóng trong phong bì kín và được chuyển đến Chủ tịch Ban Đại Diện Quý chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</i>	biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản phù hợp với khoản 5 Điều 32 trên đây. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết theo khoản 5 Điều 32 trên đây, phiếu biểu quyết phải được đóng trong phong bì kín và được chuyển đến Chủ tịch Ban Đại Diện Quý chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.	
	32.8. Quyết định của Ban Đại diện Quý được thông qua bằng <u>biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản nếu được từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên dự họp và từ năm mươi một phần trăm (51%) số thành viên độc lập thông qua. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc Ban Đại diện Quý đa số thành viên và đa số thành viên độc lập dự họp thông qua.</u>	32.7. Quyết định của Ban Đại diện Quý được thông qua nếu được từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên dự họp và từ năm mươi một phần trăm (51%) số thành viên độc lập thông qua. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban Đại diện Quý.	
	32.9. Chubb Life FMC và Ngân hàng Giám sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban Đại diện Quý nhưng không được quyền biểu quyết.	32.8. Chubb Life FMC và Ngân hàng Giám sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban Đại diện Quý nhưng không được quyền biểu quyết.	
	32.10. Chi phí tiến hành họp Ban Đại diện Quý sẽ do Quý thanh toán.	32.9. Chi phí tiến hành họp Ban Đại diện Quý sẽ do Quý thanh toán.	
	32.11. Cuộc họp Ban Đại diện Quý phải được ghi đầy đủ vào biên bản. <u>Biên bản họp Ban Đại diện Quý phải được lập chi tiết và rõ ràng. Chủ tọa và thư ký phải ký tên vào các Biên bản họp và liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại diện Quý. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban Đại diện Quý tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban Đại diện Quý phải được lưu giữ tại Công ty Quản lý Quý theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quý.</u>	32.10. Cuộc họp Ban Đại diện Quý phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại diện Quý.	
28	CHƯƠNG VI Điều 34	Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quý 34.1. Ngoài các nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ quý và Pháp luật, Công ty Quản lý Quý có các nghĩa vụ sau: a) [nội dung giữ nguyên không thay đổi]	Sửa đổi theo Điều 24, Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC và Điều 10 Thông tư 99/2020/TT-BTC

		b) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] c) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] d) chỉ được đầu tư gửi tiền cho Quỹ tại các <u>tổ chức tín dụng ngân hàng</u> trong danh sách được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; <u>phải cung cấp đầy đủ thông tin</u>, lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay tại Ngân hàng Giám sát, <u>Ngân hàng lưu ký để các tổ chức này</u> định kỳ đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ; e) lưu trữ bản gốc các hợp đồng, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), <u>sổ đăng ký cổ đông hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng Giám sát khi đầu tư</u>, góp vốn giao dịch các tài sản cho Quỹ để định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư; f) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] g) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] h) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] i) <u>phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của Quỹ. Người điều hành quỹ phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu hai (02) năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trưởng hợp Quỹ đầu tư vào chứng khoán phải sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro, người điều hành quỹ phải có thêm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. Thông tin về trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch; phân công tối thiểu hai (02) người</u>	b) [.....] c) [.....] d) chỉ được đầu tư gửi tiền cho Quỹ tại các ngân hàng trong danh sách được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay, tại Ngân hàng Giám sát để định kỳ đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ; e) lưu trữ bản gốc các hợp đồng, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), <u>sổ đăng ký cổ đông hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng Giám sát khi đầu tư</u>, góp vốn giao dịch các tài sản cho Quỹ để định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư; f) [.....] g) [.....] h) [.....] i) phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán để quản lý Quỹ. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch;
--	--	---	--

		điều hành quỹ có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán để quản lý Quỹ. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch; j) Công ty Quản lý Quỹ phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho chính Công ty Quản lý Quỹ. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân hàng Giám sát và được áp dụng thống nhất; k) trong hoạt động quản trị Quỹ, có trách nhiệm bảo đảm: i) thực hiện việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ; và ii) lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác vào sổ đăng ký Nhà Đầu tư; l) [.....] m) [.....] n) [.....] o) [.....] p) xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình Quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của Quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp;
		điều hành quỹ có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán để quản lý Quỹ. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch; j) Công ty Quản lý Quỹ phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho chính Công ty Quản lý Quỹ. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân hàng Giám sát và được áp dụng thống nhất; k) trong hoạt động quản trị Quỹ, có trách nhiệm bảo đảm: i) thực hiện việc xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ; và ii) lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác vào sổ đăng ký Nhà Đầu tư. <u>Nội dung sổ đăng ký Nhà Đầu tư thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ quỹ;</u> l) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] m) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] n) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] o) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] p) <u>xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình Quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của Quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và ban</u>

		<u>hành chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro phù hợp với loại hình của Quý. Hệ thống quản trị rủi ro, chiến lược, chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng dựa theo các thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam và theo hướng dẫn của UBCKNN;</u> q) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] r) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] s) có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu Đại lý Phân phối, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình KYC để tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo quy định của Pháp luật về AML và môi giới, giao dịch chứng khoán có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại lý Phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, Công ty Quản lý quỹ, Đại lý Phân phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng. <u>Trường hợp không gặp mặt trực tiếp khách hàng, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin khách hàng và xác minh chính xác khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch tiền tệ, các quy định pháp luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng;</u> <u>Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối phải lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan. Các thông tin nhận biết khách hàng phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;</u>
		q) [.....] r) [.....] s) có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu Đại lý Phân phối, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan xây dựng, thiết lập quy trình KYC để tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo quy định của Pháp luật về AML và môi giới, giao dịch chứng khoán;

		<u>Trước khi triển khai hoạt động đông nhân biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối thông qua Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo tới UBCKNN;</u> t) [Nội dung giữ nguyên không thay đổi] u) <u>được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của Pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của Pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của Pháp luật liên quan, và việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu Điều lệ quỹ có điều khoản cho phép thực hiện. Trước khi thực hiện, Công ty Quản lý Quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:</u> • <u>Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;</u> • <u>Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;</u> • <u>Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận.</u> • <u>Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Khoản này.</u> v) khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, phải bảo đảm:
		t) [.....] u) được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của Pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của Pháp luật liên quan, và việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu Điều lệ quỹ có điều khoản cho phép thực hiện. Trước khi thực hiện, Công ty Quản lý Quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản. v) khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, phải bảo đảm: i) khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán không

	i) <u>khối lượng hoặc giá trị giao dịch chứng khoán</u> trong năm thông qua <u>môi giới của một công ty chứng khoán</u> không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng <u>khối lượng hoặc giá trị giao dịch chứng khoán</u> trong năm của Quý; và ii) <u>khối lượng hoặc giá trị giao dịch chứng khoán</u> là Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của Quý; w) [.....] x) [.....] y) phải bảo đảm: i) tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người có Liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người có Liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công ty Quản lý Quỹ; và ii) tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tối thiểu cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ;
	i) <u>khối lượng hoặc giá trị giao dịch chứng khoán</u> trong năm thông qua <u>môi giới của một công ty chứng khoán</u> không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng <u>khối lượng hoặc giá trị giao dịch chứng khoán</u> trong năm của Quý; và ii) <u>khối lượng hoặc giá trị giao dịch chứng khoán</u> là Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của Quý. <u>Tùy nhiên quy định này không áp dụng trong trường hợp Quý có tổng giá trị giao dịch trong năm thấp hơn ba trăm (300) tỷ đồng;</u> w) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] x) [nội dung giữ nguyên không thay đổi] y) phải bảo đảm: i) tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người có Liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng <u>bảo mật</u>, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người có Liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công ty Quản lý Quỹ; và ii) tách biệt về <u>cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu</u> giữa các bộ phận hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận hoạt động quản lý tài sản ủy thác; bộ phận hoạt động nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận; thực hiện đầu tư; <u>hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán</u>. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tối thiểu cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ; iii) <u>tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của Công ty Quản lý Quỹ</u>

	<u>với hoạt động quản lý Quỹ</u>	34.2. Ngoài các quyền khác được quy định tại Điều lệ quỹ và Pháp luật, Công ty Quản lý Quỹ còn có các quyền sau: a) [.....] b) lựa chọn Ngân hàng Giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ quỹ; [Điểm c) đến Điểm l)] m) yêu cầu thanh lý Quỹ nếu Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ thấp hơn mức quy định tại khoản 6 Điều 55 dưới đây; và n) [.....]	34.2. Ngoài các quyền khác được quy định tại Điều lệ quỹ và Pháp luật, Công ty Quản lý Quỹ còn có các quyền sau: a) [.....] b) lựa chọn Ngân hàng Giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ quỹ; [Điểm c) đến Điểm l)] m) yêu cầu thanh lý Quỹ nếu Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ thấp hơn mức quy định tại khoản 6 Điều 55 dưới đây; và n) [.....]	Sửa đổi theo Điều 13 Thông tư 99/2020/TT-BTC
29	CHƯƠNG VI Điều 35	Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ 35.1. Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau: a) <u>Công ty Quản lý Quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo các quy định của Điều lệ quỹ;</u> b) <u>theo đề nghị Ban Đại diện Quỹ sau khi đã được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận yêu cầu của Đại hội Nhà Đầu tư;</u> c) <u>Công ty Quản lý Quỹ bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng khoán;</u> d) <u>Tổ chức lại Công ty Quản lý Quỹ hợp nhất, sáp nhập với một công ty quản lý quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư; hoặc</u> e) Quỹ bị giải thể theo quy định tại Khoản 66.1 Điều 665 dưới đây; f) <u>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</u>	Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ 35.1. Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau: a) theo đề nghị Ban Đại diện Quỹ sau khi đã được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận; b) bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động; c) hợp nhất, sáp nhập với một công ty quản lý quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư; hoặc d) Quỹ bị giải thể theo quy định tại khoản 1 Điều 65 dưới đây.	
		35.2. [nội dung giữ nguyên không thay đổi]	35.2. [.....]	

	35.3. Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm a, c, d Khoản 35.1 Điều này.	Không có	
	35.4. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu tư thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ, công ty quản lý quỹ thay thế có trách nhiệm đề nghị UBND điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ liên quan đến việc thay đổi công ty quản lý quỹ.	Không có	
	35.5. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của công ty quản lý quỹ bị thay thế chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao đầy đủ tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản của Quỹ, quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Việc bàn giao phải được hoàn tất trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu tư thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ.	Không có	
	35.6. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc bàn giao, công ty quản lý quỹ thay thế gửi UBNDNN biên bản bàn giao trách nhiệm và tài sản giữa hai công ty quản lý quỹ. Biên bản phải được Ban Đại diện Quỹ và ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát xác nhận.	Không có	
	35.7. Công ty quản lý quỹ bị thay thế phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản đối với Quỹ mà chưa bàn giao đầy đủ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ bị thay thế chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn (năm) 05 năm kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho công ty quản lý quỹ thay thế theo quy định tại Khoản 35.6 Điều này.	Không có	
	35.8. Trong trường hợp Đại hội Nhà Đầu tư quyết định thay đổi Công ty Quản lý Quỹ theo quy định tại Điểm (a) (b) Khoản 35.1 Điều 35 trên đây, Quỹ sẽ phải bồi thường cho Chubb Life FMC một khoản phí (ngoài các khoản phí được quy định tại Điều lệ quỹ) nhằm để bù đắp những chi phí phát sinh cho Chubb Life FMC do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng, cụ thể như sau:	35.3. Trong trường hợp Đại hội Nhà Đầu tư quyết định thay đổi Công ty Quản lý Quỹ theo quy định tại điểm (a) khoản 1 Điều 35 trên đây, Quỹ sẽ phải bồi thường cho Chubb Life FMC một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều lệ quỹ) nhằm để bù đắp những chi phí phát sinh cho Chubb Life FMC do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng, cụ thể như sau:	

		[nội dung bảng giữ nguyên không thay đổi]	[.....]
		35.9. NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Chubb Life FMC là NAV bình quân theo báo cáo của năm mười hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Thông qua quyết định thay đổi Công ty Quản lý Quỹ được Ngân hàng Giám sát xác nhận.	35.4. NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Chubb Life FMC là NAV bình quân theo báo cáo của năm mười hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công ty Quản lý Quỹ được Ngân hàng Giám sát xác nhận.
		35.10. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Chubb Life FMC phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.	35.5. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Chubb Life FMC phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.
30	CHƯƠNG VI Điều 36 Điều chỉnh Khoản 36.1, 36.2, 36.4, 36.6, 36.10	Điều 36. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ 36.1. Công ty Quản lý Quỹ không được là Người có Liên quan, có quan hệ sở hữu, <u>vay hoặc cho vay</u> era <u>với</u> Ngân hàng Giám sát, <u>Ngân hàng lưu ký của Quỹ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Thành viên, thành viên Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ của Công ty Quản lý Quỹ từ từng trường hợp cụ thể không được đồng thời làm việc cho Ngân hàng Giám sát, Chủ tịch Công ty, Phó Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Ban điều hành, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.</u> 36.2. <u>Chủ tịch Công ty, Phó Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại giá dịch vụ, phí và mức giá dịch vụ, phí đã được quy định rõ tại Điều lệ quỹ.</u> Công ty Quản lý Quỹ không sử dụng tài sản của Quỹ do mình quản lý để đầu tư vào các quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác do mình quản lý.	Điều 36. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ 36.1. Công ty Quản lý Quỹ không được là Người có Liên quan, có quan hệ sở hữu của Ngân hàng Giám sát, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Thành viên, thành viên Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ của Công ty Quản lý Quỹ từ từng trường hợp cụ thể không được đồng thời làm việc cho Ngân hàng Giám sát. 36.2. Công ty Quản lý Quỹ không sử dụng tài sản của Quỹ do mình quản lý để đầu tư vào các quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác do mình quản lý.
		36.4. Công ty Quản lý Quỹ, Công ty mẹ, Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng Thành viên, ban kiểm soát (nếu có), ban điều	36.4. Công ty Quản lý Quỹ, Công ty mẹ, Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng Thành viên, ban kiểm soát (nếu có),

Sửa đổi theo Điều 11
Thông tư
99/2020/TT-BTC và
phù hợp với cơ cấu
tổ chức của Chubb
Life FMC

	hành, nhân viên của Công ty <u>Quản lý Quỹ</u> chỉ được <u>là đối tác mua hoặc bán</u> các tài sản trong danh mục của <u>Quỹ mà công ty đang quản lý</u> theo nguyên tắc sau: a) Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán; b) <u>Trường hợp là giao dịch thỏa thuận hoặc tài sản giao dịch không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch Chứng khoán thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện Quỹ cho phép thực hiện giao dịch. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, phí giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch, các điều kiện khác (nếu có). Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện Quỹ cho phép thực hiện giao dịch. Văn bản chấp thuận phải thể hiện về loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.</u>	ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được mua hoặc bán các tài sản trong danh mục của Quỹ mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau: a) Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán; b) Trường hợp là giao dịch thỏa thuận hoặc tài sản giao dịch không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch Chứng khoán thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện Quỹ cho phép thực hiện giao dịch. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, phí giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch, các điều kiện khác (nếu có).
36.6. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty <u>Quản lý Quỹ</u> phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải bao gồm thông tin về loại (mã) chứng khoán, số lượng, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.	36.6 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty <u>Quản lý Quỹ</u> phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải bao gồm thông tin về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.	36.6 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty <u>Quản lý Quỹ</u> phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải bao gồm thông tin về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.
36.10. Công ty <u>Quản lý Quỹ</u> không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay, bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công ty <u>Quản lý Quỹ</u>, Người có Liên quan của Công ty <u>Quản lý Quỹ</u> hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của chính Công ty <u>Quản lý Quỹ</u>, thanh toán các nghĩa vụ nợ của Người có Liên quan của Công ty	36.10. Công ty <u>Quản lý Quỹ</u> không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay, bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công ty <u>Quản lý Quỹ</u>, Người có Liên quan của Công ty <u>Quản lý Quỹ</u> hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của chính Công ty <u>Quản lý Quỹ</u>, thanh toán các nghĩa vụ nợ của Người có Liên quan của Công ty	36.10. Công ty <u>Quản lý Quỹ</u> không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay, bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công ty <u>Quản lý Quỹ</u>, Người có Liên quan của Công ty <u>Quản lý Quỹ</u> hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của chính Công ty <u>Quản lý Quỹ</u>, thanh toán các nghĩa vụ nợ của Người có Liên quan của Công ty

		<i>Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của bất kỳ đối tác nào. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty Quản lý Quỹ, Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác.</i>	Quản lý Quỹ hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của bất kỳ đối tác nào.		Sửa đổi theo Điều 117 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Điều lệ mẫu
31	CHƯƠNG VII Điều 37	Điều 37. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau: a) là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng; b) không được là Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; c) có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký; và d) thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ quỹ.	Điều 37. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau: a) là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng; b) không được là Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; c) có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký; và d) thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ quỹ.		
32	CHƯƠNG VII Điều 39	Điều 39. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát 39.1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng Giám sát thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng Giám sát phải:	Điều 39. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát 39.1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng Giám sát thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng Giám sát phải:		Sửa đổi theo Điều 74, 75 Thông tư 98/2020/TT-BTC

		a) phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ; b) kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của Pháp luật, Ngân hàng Giám sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc, đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định. Cụ thể:	a) phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ; b) kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của Pháp luật, Ngân hàng Giám sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc, đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định. Cụ thể:	i) trường hợp là tài sản có đăng ký sở hữu thì phải được đăng ký, ghi nhận dưới tên của Quỹ, trừ trường hợp tài sản phải đăng ký, ghi nhận dưới
		a) phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ; b) kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của Pháp luật, Ngân hàng Giám sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc, đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định. Cụ thể:	a) phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ; b) kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và Người có Liên quan của Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của Pháp luật, Ngân hàng Giám sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc, đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định. Cụ thể:	i) trường hợp là tài sản có đăng ký sở hữu thì phải được đăng ký, ghi nhận dưới tên của chủ sở hữu là Quỹ, trừ trường hợp tài sản phải đăng ký, ghi nhận

	dưới tên của Ngân hàng Giám sát hoặc tổ chức lưu ký phụ hoặc Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của Pháp luật có liên quan, <u>đồng thời, lưu ký tại ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát</u>. Bản gốc các tài liệu pháp lý xác nhận quyền sở hữu tài sản của Quý Khách phải được lưu ký đầy đủ tại <u>ngân hàng lưu ký</u>, Ngân hàng Giám sát, trừ trường hợp là chứng khoán phát hành đã đăng ký, lưu ký tập trung. Trường hợp là chứng khoán phát hành dưới hình thức ghi sổ, hoặc việc chuyển quyền sở hữu cho Quý Khách hoàn tất, hợp đồng mua bán gốc và giao dịch thanh toán mua phải được lưu ký tại Ngân hàng Giám sát;	tên của Ngân hàng Giám sát hoặc tổ chức lưu ký phụ hoặc Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của Pháp luật có liên quan. Bản gốc các tài liệu pháp lý xác nhận quyền sở hữu tài sản của Quý Khách phải được lưu ký đầy đủ tại Ngân hàng Giám sát, trừ trường hợp là chứng khoán đã đăng ký, lưu ký tập trung. Trường hợp là chứng khoán phát hành dưới hình thức ghi sổ, hoặc việc chuyển quyền sở hữu cho Quý Khách hoàn tất, hợp đồng mua bán gốc và giao dịch thanh toán mua phải được lưu ký tại Ngân hàng Giám sát;
ii) trường hợp là tài sản không được đăng ký sở hữu, hoặc chưa được kịp thời chuyển quyền sở hữu cho Quý Khách trong thời hạn quy định tại các thỏa thuận phát hành, hợp đồng chuyển nhượng, đầu tư hoặc các hợp đồng kinh tế tương đương, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm xác nhận rõ về tình trạng lưu ký và đăng ký tài sản này tại các báo cáo định kỳ của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát, đồng thời gửi thông báo bằng văn bản cho Ban Đại diện Quý;	ii) trường hợp là tài sản không được đăng ký sở hữu, hoặc chưa được kịp thời chuyển quyền sở hữu cho Quý Khách trong thời hạn quy định tại các thỏa thuận phát hành, hợp đồng chuyển nhượng, đầu tư hoặc các hợp đồng kinh tế tương đương, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm xác nhận rõ về tình trạng lưu ký và đăng ký tài sản này tại các báo cáo định kỳ của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát, đồng thời gửi thông báo bằng văn bản cho Ban Đại diện Quý;	ii) trường hợp là tài sản không được đăng ký sở hữu, hoặc chưa được kịp thời chuyển quyền sở hữu cho Quý Khách trong thời hạn quy định tại các thỏa thuận phát hành, hợp đồng chuyển nhượng, đầu tư hoặc các hợp đồng kinh tế tương đương, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm xác nhận rõ về tình trạng lưu ký và đăng ký tài sản này tại các báo cáo định kỳ của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát, đồng thời gửi thông báo bằng văn bản cho Ban Đại diện Quý;
iii) <u>trường hợp là tài sản không có đăng ký sở hữu, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý số đăng ký cổ đông hoặc các tổ chức tương đương khác về khối lượng, giá trị tài sản của Quý, bảo đảm việc lưu ký tài sản tuân thủ quy định hiện hành và phải đăng ký sở hữu thì bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng giao dịch và chứng từ giao dịch phải được lưu ký tại ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát;</u>	iii) trường hợp là tài sản không có đăng ký sở hữu, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý số đăng ký cổ đông hoặc các tổ chức tương đương khác về khối lượng, giá trị tài sản của Quý, bảo đảm việc lưu ký tài sản tuân thủ quy định hiện hành và phải đăng ký sở hữu thì bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng giao dịch và chứng từ giao dịch phải được lưu ký tại ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát;	iii) trường hợp là tài sản không có đăng ký sở hữu, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý số đăng ký cổ đông hoặc các tổ chức tương đương khác về khối lượng, giá trị tài sản của Quý, bảo đảm việc lưu ký tài sản tuân thủ quy định hiện hành và phải đăng ký sở hữu thì bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng giao dịch và chứng từ giao dịch phải được lưu ký tại ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát;
iv) trường hợp là tiền gửi ngân hàng, <u>hợp đồng tiền gửi, ngân hàng lưu ký</u>, Ngân hàng Giám sát có quyền và trách nhiệm yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi của Quý. <u>Ngân hàng</u>	iv) trường hợp là tiền gửi ngân hàng, <u>hợp đồng tiền gửi, ngân hàng lưu ký</u>, Ngân hàng Giám sát có quyền và trách nhiệm yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi của Quý. <u>Ngân hàng</u>	iv) trường hợp là tiền gửi ngân hàng, Ngân hàng Giám sát có quyền và trách nhiệm yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi của Quý. <u>Ngân hàng</u>

		<u>lưu ký</u>, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các ngân hàng nhận tiền gửi của Quý; <u>Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý số đăng ký cổ đông hoặc các tổ chức tương đương khác về khối lượng, giá trị tài sản của Quý, bảo đảm việc lưu ký tài sản tuân thủ quy định pháp luật.</u> c) giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản của Quý; d) [.....] e) [.....] f) kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ quỹ. g) <u>Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập.</u>	kỳ hàng tháng đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các ngân hàng nhận tiền gửi của Quý; c) giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản của Quý; d) [.....] e) [.....] f) kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ quỹ.
	39.2. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận thủ trong hoạt động của Ngân hàng Giám sát đối với Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của Pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu của UBCKNN.	39.2. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận thủ trong hoạt động của Ngân hàng Giám sát đối với Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của Pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu của UBCKNN.	39.2. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận thủ trong hoạt động của Ngân hàng Giám sát đối với Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của Pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu của UBCKNN.
	39.3. <u>Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ</u>, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ.	39.3. <u>Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ</u>, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ.	39.3. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ.
	39.4. <u>Ngân hàng Giám sát có quyền kiểm tra Công ty Quản lý</u>	39.4. <u>Ngân hàng Giám sát có quyền kiểm tra Công ty Quản lý</u>	39.4. Ngân hàng Giám sát có quyền kiểm tra Công ty Quản lý

	Quý, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ lập thời gian cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà Đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quý, để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quý theo quy định của Pháp luật.	ly Quý, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ lập thời gian cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà Đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quý, để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quý theo quy định của Pháp luật.
	Ngân hàng Giám sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 39 này. Ngân hàng Giám sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng Giám sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của Pháp luật đối với mọi thông tin của Công ty Quản lý Quỹ, Quý và Nhà Đầu tư. Ngân hàng Giám sát sẽ và đảm bảo rằng các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng Giám sát sẽ cung cấp biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại diện Quý, UBCKNN trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.	39.5. Ngân hàng Giám sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 39 này. Ngân hàng Giám sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng Giám sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của Pháp luật đối với mọi thông tin của Công ty Quản lý Quỹ, Quý và Nhà Đầu tư. Ngân hàng Giám sát sẽ và đảm bảo rằng các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng Giám sát sẽ cung cấp biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại diện Quý, UBCKNN trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.
	39.5. Trưởng hợp Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quý trong thời gian quy định tại điểm (n) khoản 1 Điều 34 nêu trên và Pháp luật, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm báo cáo UBCKNN trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày Ngân hàng Giám sát gửi thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân hàng Giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quý vi phạm các quy định	39.6. Trưởng hợp Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quý trong thời gian quy định tại điểm (n) khoản 1 Điều 34 nêu trên và Pháp luật, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm báo cáo UBCKNN trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày Ngân hàng Giám sát gửi thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân hàng Giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quý vi phạm các quy định

		phạm các quy định của Pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ quỹ.	39.6. Trưởng hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm liên đới và phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo quy định của Pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trong Hợp đồng Giám sát và các thỏa thuận khác, nếu có, phù hợp với các quy định của Pháp luật.	của Pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ quỹ.	
33	CHƯƠNG VII Điều 40	39.6. Trưởng hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm liên đới và phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo quy định của Pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trong Hợp đồng Giám sát và các thỏa thuận khác, nếu có, phù hợp với các quy định của Pháp luật các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.	39.7. Trưởng hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm liên đới và phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo quy định của Pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trong Hợp đồng Giám sát và các thỏa thuận khác, nếu có, phù hợp với các quy định của Pháp luật.		Sửa đổi theo Điều 75 Thông tư 98/2020/TT-BTC
		Điều 40. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát	Điều 40. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát		
		40.1. Ngân hàng Giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ theo một trong các trường hợp sau: a) Ngân hàng Giám sát đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đã được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận; b) Ngân hàng Giám sát chấm dứt hoạt động, bị giải thể hoặc tuyên bố phá sản; c) theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận; d) Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư; e) Ngân hàng Giám sát bị thu hồi Giấy chứng nhận ký hoạt động đầu tư ký chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán; hoặc f) theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và	40.1. Ngân hàng Giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ theo một trong các trường hợp sau: a) Ngân hàng Giám sát đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đã được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận; b) Ngân hàng Giám sát chấm dứt hoạt động, bị giải thể hoặc tuyên bố phá sản; c) theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận; d) Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư; e) Ngân hàng Giám sát bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán; hoặc f) theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và		

		a) <u>Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;</u> b) <u>Ngân hàng Giám sát đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát;</u> c) <u>Quý bị giải thể, bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập;</u> d) <u>theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Hợp đồng Giám sát.</u>	Hợp đồng Giám sát.	
		40.2. <u>Trong các trường hợp nêu tại khoản 1 Điều 40 này, quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát đối với Quý chỉ chấm dứt từ thời điểm Công ty Quản lý Quỹ tìm được ngân hàng giám sát thay thế cho Ngân hàng Giám sát và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua và nghĩa vụ đối với Quý cho ngân hàng giám sát nhận bàn giao. Ngân hàng giám sát nhận bàn giao, Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện các thủ tục báo cáo UBCKNN và phải tuân thủ theo quy định Pháp luật về việc thay đổi Ngân hàng Giám sát.</u>	40.2. Trong các trường hợp nêu tại khoản 1 Điều 40 này, quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát đối với Quý chỉ chấm dứt từ thời điểm Công ty Quản lý Quỹ tìm được ngân hàng giám sát thay thế cho Ngân hàng Giám sát và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua và nghĩa vụ đối với Quý cho ngân hàng giám sát nhận bàn giao. Ngân hàng giám sát nhận bàn giao, Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện các thủ tục báo cáo UBCKNN và phải tuân thủ theo quy định Pháp luật về việc thay đổi Ngân hàng Giám sát.	
		40.3. <u>Trường hợp ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát chuyển đổi tư cách pháp nhân, ngân hàng mới kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản được lưu ký, giám sát tại ngân hàng cũ.</u>	Không có	
34	CHƯƠNG VIII Điều 42	Điều 42. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan 42.3. Các tiêu chí, điều kiện khác theo quy định của Pháp luật	Điều 42. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan Không có	Sửa đổi theo hướng đầy đủ hơn

	Điều chỉnh Khoản 42.3		Điều 43. Trách nhiệm của Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan 43.5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ tất cả các thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến việc cung cấp dịch vụ của hoạt động ủy quyền theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ nhằm phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định.	Điều 43. Trách nhiệm của Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan 43.5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ tất cả các thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến việc cung cấp dịch vụ của hoạt động ủy quyền theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ nhằm phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định.	Sửa đổi theo Điều 12 Thông tư 99/2020/TT-BTC
35	CHƯƠNG VIII Điều 43 Điều chỉnh Khoản 43.5	Điều 43. Trách nhiệm của Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan 43.5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ <u>báo cáo kiểm toán độc lập đối với hoạt động ủy quyền</u> , tất cả các thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến việc cung cấp dịch vụ của hoạt động ủy quyền theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ nhằm phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định.	Điều 44. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền 44.2. Trước khi ký kết hợp đồng dịch vụ (bao gồm Hợp đồng Quản trị Quỹ, Hợp đồng Đại lý Chuyên Nhượng) với Bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của Bên nhận ủy quyền <u>và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất</u> , bảo đảm Bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, và trình độ chuyên môn <u>phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền</u> .	Điều 44. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền 44.2. Trước khi ký kết hợp đồng dịch vụ (bao gồm Hợp đồng Quản trị Quỹ, Hợp đồng Đại lý Chuyên Nhượng) với Bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của Bên nhận ủy quyền và quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn	Sửa đổi theo Điều 12 Thông tư 99/2020/TT-BTC
36	CHƯƠNG VIII Điều 44 Điều chỉnh các Khoản 44.2, 44.4, 44.6, 44.10	Điều 44. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền 44.2. Trước khi ký kết hợp đồng dịch vụ (bao gồm Hợp đồng Quản trị Quỹ, Hợp đồng Đại lý Chuyên Nhượng) với Bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của Bên nhận ủy quyền <u>và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất</u> , bảo đảm Bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn <u>phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền</u> .	Điều 44. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền 44.2. Trước khi ký kết hợp đồng dịch vụ (bao gồm Hợp đồng Quản trị Quỹ, Hợp đồng Đại lý Chuyên Nhượng) với Bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của Bên nhận ủy quyền và quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn	Điều 44. Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền 44.2. Trước khi ký kết hợp đồng dịch vụ (bao gồm Hợp đồng Quản trị Quỹ, Hợp đồng Đại lý Chuyên Nhượng) với Bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của Bên nhận ủy quyền và quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn	Sửa đổi theo Điều 12 Thông tư 99/2020/TT-BTC
		Điều 44. Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định tại Khoản 44.3 Điều này.	Điều 44. Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này.	Điều 44. Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này.	
		Điều 44.6 Công ty Quản lý Quỹ xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm	Điều 44.6 Công ty Quản lý Quỹ xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm	Điều 44.6 Công ty Quản lý Quỹ xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận	

		quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động của công ty, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động của công ty.	các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động của công ty, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động của công ty.	
		44.10 <u>Tối thiểu một (01) năm một lần, Định kỳ hàng tháng, Công ty Quản lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động của tổng hợp về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của công ty.</u> với các nội dung sau: a) <u>chi phí phải trả cho Bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ;</u> b) <u>các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ;</u> c) <u>tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho Bên nhận ủy quyền (trường hợp Bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công ty Quản lý Quỹ); và</u> d) <u>đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất, kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống thảm họa ... của Bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu tư.</u>	44.10 Tối thiểu một (01) năm một lần, Công ty Quản lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau: a) chi phí phải trả cho Bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ; b) các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ; c) tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho Bên nhận ủy quyền (trường hợp Bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công ty Quản lý Quỹ); và d) đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất, kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống thảm họa ... của Bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu tư.	
37	CHƯƠNG IX Điều 47 Điều chỉnh Khoản 47.6	Điều 47. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ 47.6 Đại lý Phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức <u>phí giá dịch vụ</u> đã được công bố tại các Bản cáo bạch và Hợp đồng Đại lý Phân phối.	Điều 47. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ 47.6 Đại lý Phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại các Bản cáo bạch và Hợp đồng Đại lý Phân phối.	Sửa đổi để đảm bảo tính thống nhất
38	CHƯƠNG X Điều 54	Điều 54. Báo cáo khác Chubb Life FMC phải tuân thủ các quy định của UBCKNN và Pháp luật về công bố thông tin và cung cấp cho Nhà Đầu tư	Điều 54. Báo cáo khác Chubb Life FMC phải tuân thủ các quy định của UBCKNN và Pháp luật về công bố thông tin và cung cấp cho Nhà Đầu tư	Sửa đổi để đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật trong

		các báo cáo khác theo quy định của Pháp luật trong từng thời điểm, bao gồm những không giới hạn: — Báo cáo về hoạt động của Quý; — Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quý; bán niên và hàng năm; và — Báo cáo định kỳ hàng tháng, báo cáo bán niên và báo cáo năm về hoạt động đầu tư của Quý;	tư các báo cáo khác bao gồm nhưng không giới hạn: - Báo cáo về hoạt động của Quý; - Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quý; bán niên và hàng năm; và - Báo cáo định kỳ hàng tháng, báo cáo bán niên và báo cáo năm về hoạt động đầu tư của Quý.	từng thời điểm
40	CHƯƠNG XI Điều 55	Điều 55. Xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quý 55.1. Chubb Life FMC phải xây dựng số tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của quý, và có trách nhiệm xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quý và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quý trên cơ sở giá thị trường, hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quý. <u>Số tay định giá phải được Ban Đại diện Quý phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng Giám sát để giám sát việc tính toán Giá trị Tài sản Ròng.</u> 55.2. Giá trị Tài sản Ròng của Quý, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quý/Chứng chỉ Quý phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Chubb Life FMC chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Chubb Life FMC điều chỉnh thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng. Trong thời hạn (năm) 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện Giá trị Tài sản Ròng bị định giá sai, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát (trong trường hợp Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ xác định Giá trị Tài sản Ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBKCNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát cùng ký xác nhận.	Điều 55. Xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quý 55.1. Chubb Life FMC có trách nhiệm xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quý và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quý trên cơ sở giá thị trường, hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quý. 55.2. Giá trị Tài sản Ròng của Quý, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quý phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Chubb Life FMC chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Chubb Life FMC điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.	Sửa đổi theo Điều 20 Thông tư 98/2020/TT-BTC

41	CHƯƠNG XI Điều 56	55.3. Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ Ngày Định giá, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan, Đại lý Phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. 55.4. Chubb Life FMC được ủy quyền cho Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan Ngân hàng Giám sát xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp bảo giá. Trong trường hợp này, Chubb Life FMC và Ngân hàng Giám sát phải có trách nhiệm cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ là phù hợp các quy định của Pháp luật, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được tính chính xác và phù hợp Điều lệ quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật. 55.5. [.....] 55.6. Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ giảm năm mươi phần trăm (50%) so với mức vốn huy động ban đầu, hoặc giảm xuống thấp hơn 30.000.000.000 VNĐ (ba mươi tỷ đồng), Chubb Life FMC phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn mười tỷ đồng (10.000.000.000 VNĐ) trong vòng sáu (06) tháng liên tục, Chubb Life FMC phải thanh lý tài sản để giải thể Quỹ theo quy định.	55.3. Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ Ngày Định giá, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Chubb Life FMC, Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan, Đại lý Phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. 55.4. Chubb Life FMC được ủy quyền cho Tổ chức Cung cấp Dịch vụ Có Liên quan xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp bảo giá. Chubb Life FMC có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ là phù hợp các quy định của Pháp luật, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được tính chính xác. 55.5. [.....] 55.6. Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ giảm năm mươi phần trăm (50%) so với mức vốn huy động ban đầu, hoặc giảm xuống thấp hơn 30.000.000.000 VNĐ (ba mươi tỷ đồng), Chubb Life FMC phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn 10.000.000.000 VNĐ (mười tỷ đồng) trong vòng sáu (06) tháng liên tục, Chubb Life FMC phải thanh lý tài sản để giải thể Quỹ theo quy định.	Sửa đổi theo Điều 20 Thông tư 98/2020/TT-BTC
	Điều 56	Điều 56. Nguyên tắc và phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ 56.1. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định giá ("Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ"). Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ ("Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ").	Điều 56. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ 56.1. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định giá ("Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ").	

		<u>Quý</u>). Tổng giá trị tài sản của Quý được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quý là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quý tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định giá. Giá trị Tài sản Ròng của Quý được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản Ròng của Quý được hạch toán vào Quý.	
		56.2. Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ/ Chứng chỉ Quỹ bằng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ/ Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá (“Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ” hay “Giá trị Tài sản Ròng trên một Chứng chỉ Quỹ”). <u>Giá trị Tài sản Ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản Ròng của Quý được hạch toán vào Quý.</u>	56.2. Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ bằng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá (“Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ”). Giá trị Tài sản Ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản Ròng của Quý được hạch toán vào Quý.
		56.3. Chính sách định giá các tài sản của Quỹ sẽ được quy định chi tiết trong Sổ tay Định giá do Chubb Life FMC xây dựng phù hợp với Điều lệ quỹ và các quy định có liên quan và đồng thời được Ban Đại diện Quỹ thông qua và được Ngân hàng Giám sát xác nhận.	56.3. Chính sách định giá các tài sản của Quỹ sẽ được quy định chi tiết trong Sổ tay Định giá do Chubb Life FMC xây dựng phù hợp với Điều lệ quỹ và các quy định có liên quan và đồng thời được Ban Đại diện Quỹ thông qua và được Ngân hàng Giám sát xác nhận.
		56.4. Nguyên tắc và phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phải tuân thủ Pháp luật và được quy định cụ thể tại Phụ lục 4.	56.4. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phải tuân thủ Pháp luật và được quy định cụ thể tại Phụ lục 4.
42	CHƯƠNG XI Điều 57 Điều chỉnh tên Điều và Khoản 57.3	<u>Điều 57. Quy trình định giá tài sản Quỹ xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ</u> 57.3. Trong thời hạn ba (03) Ngày Làm việc sau Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ <u>nhưng không quá Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ tiếp theo</u> Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng tính toán kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư và cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu tư tại Sổ chính và cung cấp thông tin cho Đại lý	Điều 57. Quy trình định giá tài sản Quỹ 57.3. Trong thời hạn ba (03) Ngày Làm việc sau Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng tính toán kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư và cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu tư tại Sổ chính và cung cấp thông tin cho Đại lý Phân phối để gửi bản xác nhận giao dịch cho
			Sửa đổi theo Điều 30 Thông tư 98/2020/TT-BTC

43	CHƯƠNG XI Điều 58 Điều chỉnh các Khoản 58.2, 58.6, 58.7	Phân phối để gửi bản xác nhận giao dịch cho Nhà Đầu tư và cập nhật vào Sổ phụ.	Nhà Đầu tư và cập nhật vào Sổ phụ.	Sửa đổi theo Điều 36 Thông tư 98/2020/TT-BTC
Điều 58. Đến bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư, Quỹ		Điều 58. Đến bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư, Quỹ	Điều 58. Đến bù thiệt hại cho Nhà Đầu tư, Quỹ	
58.2. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày điều chỉnh giá trị Tài sản Ròng, Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN về phương án đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu tư trong đó nêu rõ việc, thời gian Quỹ bị định giá sai, mức độ thiệt hại của Quỹ, kèm theo danh sách các nhà đầu tư có quyền lợi bị ảnh hưởng đã được đền bù và mức đền bù của từng nhà đầu tư. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Quản lý Quỹ phải tiến hành các thủ tục đền bù cho Quỹ và Nhà Đầu tư chịu thiệt hại với các mức thanh toán theo quy định tại Khoản 58.3, 58.4 Điều 58.		58.2. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày điều chỉnh giá trị Tài sản Ròng, Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN về phương án đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu tư trong đó nêu rõ nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian Quỹ bị định giá sai, mức độ thiệt hại của Quỹ, mức độ thiệt hại của Quỹ, kèm theo danh sách các nhà đầu tư có quyền lợi bị ảnh hưởng đã được đền bù và mức đền bù của từng Nhà Đầu tư. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Quản lý Quỹ phải tiến hành các thủ tục đền bù cho Quỹ và Nhà Đầu tư chịu thiệt hại với các mức thanh toán theo quy định tại Khoản 58.3, 4 Điều 58.	58.2. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày điều chỉnh lại giá trị tài sản ròng, công ty quản lý quỹ phải đền bù thiệt hại cho quỹ, nhà đầu tư trong đó nêu rõ nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian quỹ bị định giá sai, mức độ thiệt hại của quỹ, mức độ thiệt hại của các nhà đầu tư, kèm theo danh sách các nhà đầu tư có quyền lợi bị ảnh hưởng đã được đền bù và mức đền bù của từng nhà đầu tư. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ phải tiến hành các thủ tục đền bù cho quỹ và nhà đầu tư chịu thiệt hại với các mức thanh toán theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 58.	
58.6 Chubb Life FMC hoặc Quỹ sẽ không đền bù cho những Nhà Đầu tư chịu thiệt hại ít hơn một trăm ngàn đồng (100.000 VNĐ) những toàn bộ phần thanh toán của Chubb Life FMC phải được đưa vào Quỹ và ghi nhận thu nhập cho Quỹ, trừ trường hợp Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ có quyết định khác.		58.6 Chubb Life FMC hoặc Quỹ sẽ không đền bù cho những Nhà Đầu tư chịu thiệt hại ít hơn một trăm ngàn đồng (100.000 VNĐ) những toàn bộ phần thanh toán của Chubb Life FMC phải được đưa vào Quỹ và ghi nhận thu nhập cho Quỹ, trừ trường hợp Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ có quyết định khác.	58.6 Chubb Life FMC hoặc Quỹ sẽ không đền bù cho những Nhà Đầu tư chịu thiệt hại ít hơn 100.000 VNĐ (một trăm ngàn đồng) nhưng toàn bộ phần thanh toán của Chubb Life FMC phải được đưa vào Quỹ và ghi nhận thu nhập cho Quỹ, trừ trường hợp Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ có quyết định khác.	
58.7 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù các thiệt hại gây ra cho Quỹ trong trường hợp:		58.7 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù các thiệt hại gây ra cho Quỹ trong trường hợp:	58.7. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù các thiệt hại gây ra cho quỹ trong trường hợp:	
a) Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế theo quy định của Pháp luật và/hoặc quy định tại Điều lệ quỹ; hoặc		a) Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế theo quy định của Pháp luật và/hoặc quy định tại Điều lệ quỹ; hoặc	a) Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế quy định tại Điều lệ quỹ; hoặc	
b) Sử dụng vốn vay trái mục đích, không phù hợp với quy định của pháp luật; hoặc vay vượt quá các hạn mức vay đã được quy định tại Điều lệ quỹ, quy định của pháp luật; hoặc		b) Sử dụng vốn vay trái mục đích, không phù hợp với quy định của pháp luật; hoặc vay vượt quá các hạn mức vay đã được quy định tại Điều lệ quỹ, quy định của pháp luật; hoặc	b) Sử dụng vốn vay trái mục đích, không phù hợp với quy định của pháp luật; hoặc vay vượt quá các hạn mức vay đã được quy định tại điều lệ quỹ, quy định của pháp luật; hoặc	
c) Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3 II.2 Điều 11 Điều lệ quỹ.		c) Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3 II.2 Điều 11 Điều lệ quỹ.	c) Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 11.	
Mức đền bù cho Quỹ trong các trường hợp quy định ở trên được xác định trên cơ sở thiệt hại phát sinh từ phần đầu tư trái quy định, vượt hạn mức, chi phí vay. Trường hợp các hoạt động đầu tư, kinh doanh nêu trên có phát sinh lợi nhuận phải hạch toán toàn bộ lợi nhuận vào cho		Mức đền bù cho Quỹ trong các trường hợp quy định ở trên được xác định trên cơ sở thiệt hại phát sinh từ phần đầu tư trái quy định, vượt hạn mức, chi phí vay. Trường hợp các hoạt động đầu tư, kinh doanh nêu trên có phát sinh lợi nhuận phải hạch toán toàn bộ lợi nhuận vào cho	Mức đền bù cho quỹ trong các trường hợp quy định ở trên được xác định trên cơ sở thiệt hại phát sinh từ phần đầu tư vượt hạn mức, chi phí vay. Trường hợp các hoạt động đầu tư, kinh doanh nêu trên có phát sinh lợi nhuận phải hạch toán toàn bộ lợi nhuận vào cho	

		sinh lợi nhuận phải hạch toán toàn bộ lợi nhuận vào cho Quý.	quý.		Sửa đổi theo Điều 2 và Điều 20 Thông tư 98/2020/TT-BTC
44	CHƯƠNG XI Điều 59	Điều 59. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp bảo giá 59.1. Nguyên tắc lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp bảo giá a) [.....] b) [.....] c) Danh sách tổ chức cung cấp bảo giá do Chubb Life FMC lựa chọn và được Ban Đại diện Quý thông qua phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng Giám sát. 59.2. Tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp bảo giá a) Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối, thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật và công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ; b) các hệ thống báo giá trái phiếu; và a) không phải là Người có Liên quan của Chubb Life FMC và Ngân hàng Giám sát.	Điều 59. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp bảo giá 59.1. Nguyên tắc lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp bảo giá a) [.....] b) [.....] c) Danh sách tổ chức cung cấp bảo giá do Chubb Life FMC lựa chọn và được Ban Đại diện Quý thông qua. 59.2. Tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp bảo giá b) là tổ chức kinh doanh chứng khoán, tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối, thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật; c) các hệ thống báo giá trái phiếu; và d) không phải là Người có Liên quan của Chubb Life FMC và Ngân hàng Giám sát		
45	CHƯƠNG XII	<u>LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP, CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA QUÝ</u>	LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ		Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
46	CHƯƠNG XII Điều 61	Điều 61. <u>Phân phối</u> lợi nhuận của Quý 61.1. Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quý cho Nhà Đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại Bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quý. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quý đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ, ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định. Quý vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên	Điều 61. Lợi nhuận của Quý 61.1. Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quý cho Nhà Đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại Bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quý. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quý. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quý đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ, ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định. Quý vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.		Sửa đổi theo Điều 26 Thông tư 98/2020/TT-BTC

	trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ; 61.2. Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ quỹ) hoặc được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch. Khối lượng Đơn vị Quỹ được phân chia được phân chia trên cơ sở Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại ngày chốt danh sách Nhà Đầu tư; 61.3. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu tư; 61.4. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau: a) phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ); b) tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận; c) giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Đơn vị Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ); d) Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận; và e) các ảnh hưởng tác động tới Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ. 61.5. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Đơn vị của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc sách Nhà Đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận. 61.6. Vì quyền lợi của Nhà Đầu tư, Ban Đại diện Quỹ có thể	Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. 61.2. Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà Đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà Đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ quỹ) hoặc được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch. Khối lượng Đơn vị Quỹ được phân chia được phân chia trên cơ sở Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ tại ngày chốt danh sách Nhà Đầu tư. 61.3. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu tư. 61.4. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau: f) phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ); g) tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận; h) giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Đơn vị Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ); i) Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận; và j) các ảnh hưởng tác động tới Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ. 61.5. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Đơn vị của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận. 61.6. Vì quyền lợi của Nhà Đầu tư, Ban Đại diện Quỹ có thể
--	---	--

		quyết định không phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu tư. Ban Đại diện Quỹ sẽ chịu trách nhiệm giải trình trước Đại hội Nhà Đầu tư về quyết định liên quan đến chính sách lợi nhuận của Quỹ.
	<u>nhuận của Quỹ:</u> 61.1. <u>Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc Chứng chỉ Quỹ, Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo đến Nhà Đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định của Pháp luật có liên quan.</u> 61.2. <u>Việc chi trả lợi tức Quỹ phải bảo đảm các nguyên tắc:</u> a) <u>Lợi tức phân phối cho Nhà Đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;</u> b) <u>Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua;</u> c) <u>Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;</u> d) <u>Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.</u> 61.3. <u>Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà Đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận.</u> 61.4. <u>Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.</u> 61.5. <u>Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Đơn vị Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển</u>	

		<u>nhường là người nhận lợi tức.</u> 61.6. <u>Vì quyền lợi của Nhà Đầu tư, Ban Đại diện Quý có thể quyết định không phân chia lợi nhuận của Quý cho Nhà Đầu tư. Ban Đại diện Quý sẽ chịu trách nhiệm giải trình trước Đại hội Nhà Đầu tư về quyết định liên quan đến chính sách lợi nhuận của Quý.</u> 61.7. <u>Công ty Quản lý Quý phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân chia lợi tức cho Nhà Đầu tư.</u>			
47	Chương XII Điều 62 Điều chỉnh đoạn đầu của Điều 62	Điều 62. Chi phí hoạt động của Quý Chi phí hoạt động của Quý là các khoản chi phí sau thuế, bao gồm các khoản được quy định tại Điều 62 này và các khoản khác phù hợp với quy định của Pháp luật. [các nội dung còn lại của Điều 62 được giữ nguyên không thay đổi]	Điều 62. Chi phí hoạt động của Quý Chi phí hoạt động của Quý là các khoản chi phí sau thuế, bao gồm các khoản được quy định tại Điều 62 này.	Sửa đổi theo hướng đầy đủ hơn	
48	Chương XII Điều 63	<u>Điều 63. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quý</u> 63.1. <u>Trường hợp Quý đầu tư bị thua lỗ và có thể dẫn đến giải thể Quý, Ban Đại diện Quý phải họp xem xét nguyên nhân thua lỗ để đưa ra giải pháp khắc phục phù hợp.</u> 63.2. <u>Trường hợp Quý thua lỗ do sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, bao loạn, những đợt khủng hoảng, biến động lớn của toàn bộ thị trường mà những biến động này là kết quả của những tác động, ảnh hưởng tài chính dây chuyền mang tính quốc tế và khu vực... thì Nhà đầu tư phải gánh chịu khoản lỗ tương ứng với số Chứng chỉ quỹ mà họ nắm giữ.</u>	Không có	Bổ sung theo Điều lệ mẫu	
49	CHƯƠNG XIII Điều 64 Sửa đổi tên Điều	Điều 64. Gác điều kiện Hợp nhất, sáp nhập Quý [các nội dung của Điều 64 mới giữ nguyên theo Điều 63 cũ]	Điều 63. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập	Sửa theo Điều lệ mẫu	

50	CHƯƠNG XIII Điều 65	Điều 65. <u>Gác điều kiện Chia</u>, tách Quỹ 65.1. Việc <u>chia</u>, tách Quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận và trong một trong các trường hợp sau: a) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào Ngày Định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ; hoặc b) các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy là cần thiết. 65.2. Việc <u>chia</u>, tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.	Điều 64. Các điều kiện tách Quỹ 64.1. Việc tách Quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư chấp thuận và trong một trong các trường hợp sau: a) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào Ngày Định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ; hoặc b) các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy là cần thiết. 64.2. Việc tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.	Sửa theo Điều lệ mẫu
51	CHƯƠNG XIII Điều 66	Điều 66. <u>Gác điều kiện Giải thể</u> Quỹ 66.1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: [nội dung các Điểm a) tới d) giữ nguyên không thay đổi] e) <u>Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật tại từng thời điểm.</u> 66.2. Việc thanh lý, giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của Pháp luật <u>và phải được UBCKNN chấp thuận.</u>	Điều 65. Các điều kiện giải thể Quỹ 65.1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: [các Điểm a) tới d)] Không có 65.2. Việc thanh lý, giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của Pháp luật.	Sửa theo Điều lệ mẫu
52	CHƯƠNG XIV Điều 67	Điều 67. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ 67.2 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên, Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Giám đốc điều hành, Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, Giám đốc, Tổng Giám đốc, tùy từng trường hợp cụ thể, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ và Pháp luật hiện hành.	Điều 66. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ 66.2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên, Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, Giám đốc, Tổng Giám đốc, tùy từng trường hợp cụ thể, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ và Pháp luật hiện hành.	Điều chỉnh cho phù hợp với cơ cấu tổ chức của Chubb Life FMC
53	Chương XV Điều 68	Điều 68. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu tư 68.1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ	Điều 67. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu tư 67.1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của	Sửa đổi theo Điều 79 Thông tư 98/2020/TT-BTC

	và các vấn đề có liên quan sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thực hiện theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	Quỹ sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thực hiện theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
68.2. Công ty Quản lý Quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm gửi Nhà Đầu tư thông kê giao dịch, số dư trên tài khoản và báo cáo về thay đổi Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm Nhà Đầu tư truy xuất được thông tin về thống kê giao dịch theo mẫu phù hợp với quy định của pháp luật. Trong trường hợp Nhà Đầu tư yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi thông kê giao dịch, số dư tài khoản, tiểu khoản trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Nhà Đầu tư.	68.2. Công ty Quản lý Quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm phải gửi Nhà Đầu tư thông kê giao dịch, số dư trên tài khoản và báo cáo về thay đổi Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ phải bảo đảm Nhà Đầu tư truy xuất được thông tin về thống kê giao dịch theo mẫu phù hợp với quy định của pháp luật. Trong trường hợp Nhà Đầu tư yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi thông kê giao dịch, số dư tài khoản, tiểu khoản trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Nhà Đầu tư.	67.2. Công ty Quản lý Quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm phải gửi Nhà Đầu tư thông kê giao dịch, số dư trên tài khoản và báo cáo về thay đổi Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ.
68.3. Công ty Quản lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà Đầu tư các tài liệu Quỹ, gồm Bản cáo bạch, các báo cáo bán niên, báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo hoạt động của Quỹ bán niên và hàng năm, báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ bán niên và hàng năm và báo cáo về các chi tiêu đánh giá hiệu quả của Quỹ và các báo cáo khác theo quy định của Pháp luật Công ty Quản lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà Đầu tư:	68.3. Công ty Quản lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà Đầu tư các tài liệu Quỹ, gồm Bản cáo bạch, các báo cáo bán niên, báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo hoạt động của Quỹ bán niên và hàng năm, báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ bán niên và hàng năm và báo cáo về các chi tiêu đánh giá hiệu quả của Quỹ và các báo cáo khác theo quy định của Pháp luật Công ty Quản lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà Đầu tư:	67.3. Công ty Quản lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà Đầu tư các tài liệu Quỹ, gồm Bản cáo bạch, các báo cáo bán niên, báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo hoạt động của Quỹ bán niên và hàng năm, báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ bán niên và hàng năm và báo cáo về các chi tiêu đánh giá hiệu quả của Quỹ và các báo cáo khác theo quy định của Pháp luật.
	a) <u>Báo cáo định kỳ hàng tuần về thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ;</u> b) <u>Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm về hoạt động đầu tư của Quỹ;</u> c) <u>Báo cáo sáu (06) tháng và năm về tổng kết hoạt động quản lý Quỹ;</u> d) <u>Báo cáo tài chính quý; báo cáo tài chính sáu (06) tháng đã được soát xét, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của Quỹ theo quy định của pháp luật về kế toán đối với Quỹ;</u> e) <u>Bản cáo bạch, Bản cáo tóm tắt.</u>	
68.4. Các tài liệu quy định tại khoản 2 và 3 Điều 67 này phải được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu tư trên trang điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử, hoặc đường bưu điện cho Nhà Đầu tư. Thời hạn công bố không muộn quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết	68.4. Các tài liệu quy định tại khoản 2 và 3 Điều 67 này phải được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu tư trên trang điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử, hoặc đường bưu điện cho Nhà Đầu tư. Thời hạn công bố không muộn quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết	67.4. Các tài liệu quy định tại khoản 2 và 3 Điều 67 này phải được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử, hoặc đường bưu điện cho Nhà Đầu tư. Thời hạn công bố không muộn quá ba

	thúc nửa Năm Tài chính, và không muộn quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc Năm Tài chính. Nhà Đầu tư có thể từ chối tiếp nhận các tài liệu quy định tại Khoản 3 Điều 67 này. Các tài liệu quy định tại Khoản 68.3 Điều này phải được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà Đầu tư và công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt. Nhà Đầu tư có thể từ chối tiếp nhận các tài liệu quy định tại khoản 68.3 Điều này.	mười (30) ngày, kể từ ngày kết thúc nửa Năm Tài chính; và không muộn quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc Năm Tài chính. Nhà Đầu tư có thể từ chối tiếp nhận các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 67 này.	
	68.5. Trường hợp Nhà Đầu tư có yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và sử dụng để quản lý tài sản của Quỹ.	67.5. Trường hợp Nhà Đầu tư có yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản của Quỹ.	
54	CHƯƠNG XV Điều 69 Điều 69. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ 69.1. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, nếu có bất kỳ quy định nào trong Điều lệ quỹ không còn phù hợp, Công ty Quản lý Quỹ phải lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư để xem xét và thông qua việc sửa đổi, bổ sung quy định đó, ngoại trừ một số nội dung sửa đổi, bổ sung dưới đây không phải lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư: a) việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh do có sự thay đổi quy định Pháp luật; hoặc b) lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm tại Điều lệ quỹ. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu tư quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. 69.2. Trong trường hợp phát sinh những vấn đề chưa được dự liệu trong Điều lệ quỹ thì cơ sở để giải thích, giải quyết những vấn đề đó là các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định Pháp luật có liên quan khác. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được đề cập trong bản Điều lệ quỹ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ quỹ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Quỹ.	Điều 68. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ 68.1. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, nếu có bất kỳ quy định nào trong Điều lệ quỹ không còn phù hợp, Công ty Quản lý Quỹ phải lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư để xem xét và thông qua việc sửa đổi, bổ sung quy định đó, ngoại trừ một số nội dung sửa đổi, bổ sung dưới đây không phải lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu tư: a) việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh do có sự thay đổi quy định Pháp luật; hoặc b) lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm tại Điều lệ quỹ. 68.2. Trong trường hợp phát sinh những vấn đề chưa được dự liệu trong Điều lệ quỹ thì cơ sở để giải thích, giải quyết những vấn đề đó là các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định Pháp luật có liên quan khác.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

55	CHƯƠNG XV Điều 70	Điều 70. Đăng ký Điều lệ quỹ 70.1. Điều lệ quỹ gồm 15 Chương, 70 <u>71</u> Điều và 04 Phụ lục <u>được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua ngày tháng năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</u> 70.2. Nhà Đầu tư, Ban Đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các bên có liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ quỹ. 70.3. Các bản trích lục hoặc bản sao của Điều lệ quỹ chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc ít nhất là hai phần ba (2/3) thành viên Ban Đại diện Quỹ. 70.4. Điều lệ quỹ được lập thành năm <u>ba</u> (05-03) bản có giá trị ngang nhau: a) một (01) bản để báo cáo với UBCKNN; b) <u>một</u> ba (01-03) bản được lưu tại Chubb Life FMC; và c) một (01) bản được lưu tại Ngân hàng Giám sát. <u>Đính kèm cùng Điều lệ các Phụ lục sau:</u> • <u>Phụ lục 01: Cam kết của Công ty Quản lý Quỹ</u> • <u>Phụ lục 02: Cam kết của Ngân hàng Giám sát</u> • <u>Phụ lục 03: Cam kết chung của Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát</u> • <u>Phụ lục 04: Định giá tài sản</u>	Điều 69. Đăng ký Điều lệ quỹ 69.1. Điều lệ quỹ gồm 15 Chương, 70 Điều và 04 Phụ lục. 69.2. Nhà Đầu tư, Ban Đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các bên có liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ quỹ. 69.3. Các bản trích lục hoặc bản sao của Điều lệ quỹ chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc ít nhất là hai phần ba (2/3) thành viên Ban Đại diện Quỹ. 69.4. Điều lệ quỹ được lập thành năm (05) bản có giá trị ngang nhau: a) một (01) bản để báo cáo với UBCKNN; b) ba (03) bản được lưu tại Chubb Life FMC; và c) một (01) bản được lưu tại Ngân hàng Giám sát.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
	CHƯƠNG XV Điều 71	Điều 71. Điều khoản thi hành Quỹ được chính thức thành lập kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ. Chubb Life FMC chịu trách nhiệm phối hợp với Nhà đầu tư để hoàn tất mọi thủ tục thành lập Quỹ theo quy định của pháp luật. Điều lệ Quỹ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.	Điều 70. Điều khoản thi hành Quỹ được chính thức thành lập kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ. Chubb Life FMC chịu trách nhiệm phối hợp với Nhà đầu tư để hoàn tất mọi thủ tục thành lập Quỹ theo quy định của pháp luật. Điều lệ Quỹ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.	
56	PHỤ LỤC 04	[Điều chỉnh các Điểm 3, 4 và bổ sung Điểm 5] 3. Tiền gửi kỳ hạn: Giá trị tiền gửi công lãi <u>Hủy-kế chưa được</u>	3. Tiền gửi kỳ hạn: Giá trị tiền gửi công lãi lũy kế tính đến	Sửa đổi theo Phụ lục XIV Thông tư

	Mục 1 Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ	<u>thanh toán</u> tính đến hết ngày trước Ngày Định giá. 4. Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chết khác: Giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá. 5. <u>Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác: Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</u>	hết ngày trước Ngày Định giá.	4. Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chết khác: Giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá.	98/2020/TT-BTC
57	PHỤ LỤC 04 Mục 1 Trái phiếu	6. Trái phiếu Chính phủ: Trái phiếu được ưu tiên định giá theo phương pháp giá trị thị trường, tức giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) (giá-lean) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao Dịch chứng Khoán Hà Nội (HNX) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng hai (02) tuần trước Ngày Định giá (nếu giá yết trước Ngày Định giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). Trong đó trái phiếu được xác định dựa vào mã trái phiếu theo quy định của HNX. <u>Sở giao dịch chứng khoán.</u> <u>Trong trường hợp giá trái phiếu có nhiều giao dịch trong một ngày thì sẽ thực hiện định giá trái phiếu bằng giá bình quân gia quyền.</u> Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày trước Ngày Định giá thì Giá trị của trái phiếu niêm yết được định giá ưu tiên theo thứ tự các nguyên tắc sau: + Giá mua (giá sạch) cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá; hoặc + Mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá; hoặc + <u>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</u>	5. Trái phiếu Chính phủ: Trái phiếu được ưu tiên định giá theo phương pháp giá trị thị trường, tức giá yết (giá clean) trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). Trong đó trái phiếu được xác định dựa vào mã trái phiếu theo quy định của HNX. Trong trường hợp giá trái phiếu có nhiều giao dịch trong một ngày thì sẽ thực hiện định giá trái phiếu bằng giá bình quân gia quyền. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định giá thì Giá trị của trái phiếu niêm yết được định giá ưu tiên theo thứ tự các nguyên tắc sau: + Giá mua (giá sạch) cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá; + Mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá. Trong trường hợp trái phiếu có giao dịch trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định giá nhưng giá trái phiếu (giá sạch) của kỳ định giá có sự biến động lớn hơn hai phần trăm (2%) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua trong trường hợp trái phiếu này	Sửa đổi theo Phụ lục XIV Thông tư 98/2020/TT-BTC	

58	PHỤ LỤC 04 Mục 1 Trái phiếu	Trong trường hợp trái phiếu có giao dịch trong vòng hai (02) tuần <u>mười lăm</u> (15) ngày <u>tháng</u> tính đến ngày trước Ngày Định giá nhưng giá trái phiếu (giá sạch) của kỳ định giá có sự biến động lớn hơn hai phần trăm (2%) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua trong trường hợp trái phiếu này mới được mua trong kỳ định giá thì giá trái phiếu được xác định theo phương pháp chiết khấu-dòng-tiền (Discount Cashflow) <u>được quy định chi tiết tại Sổ tay định giá</u>. Trái phiếu Chính phủ khi đến gần ngày đáo hạn mà trái phiếu này bắt buộc phải hủy niêm yết được định giá bằng mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá.	mới được mua trong kỳ định giá thì giá trái phiếu được xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (Discount Cashflow). Trái phiếu Chính phủ khi đến gần ngày đáo hạn mà trái phiếu này bắt buộc phải hủy niêm yết được định giá bằng mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá.	Sửa đổi theo Phụ lục XIV Thông tư 98/2020/TT-BTC
		7. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương <u>niêm yết</u> Trái phiếu được ưu tiên định giá theo phương pháp giá trị thị trường, tức giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) (giá-clean) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của HNX <u>Sổ giao dịch chứng khoán</u> của giao dịch thông thường, tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng hai (02) tuần <u>mười lăm</u> (15) ngày <u>tháng</u> tính đến ngày trước Ngày Định giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá (nếu giá-yết-chưa-bao-gồm-lãi-lũy-kế). Trong đó trái phiếu được xác định dựa vào mã trái phiếu theo quy định của HNX <u>Sổ giao dịch chứng khoán</u>. Trong trường hợp giá trái phiếu có nhiều giao dịch trong một ngày thì sẽ thực hiện định giá trái phiếu bằng giá bình quân gia quyền. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần <u>mười lăm</u> (15) ngày <u>tháng</u> tính đến ngày trước Ngày Định giá hoặc giá trái phiếu (giá sạch) của kỳ định giá có sự biến động lớn hơn hai phần trăm (2%) so với giá trái phiếu gần nhất hoặc so với giá mua trong trường hợp trái phiếu này mới được mua trong kỳ định giá thì giá được sử dụng để định giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua (giá sạch) cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá; <u>hoặc</u> + Mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá; <u>hoặc</u>	6. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương Trái phiếu được ưu tiên định giá theo phương pháp giá trị thị trường, tức giá yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch của HNX của giao dịch thông thường, tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). Trong đó trái phiếu được xác định dựa vào mã trái phiếu theo quy định của HNX. Trong trường hợp giá trái phiếu có nhiều giao dịch trong một ngày thì sẽ thực hiện định giá trái phiếu bằng giá bình quân gia quyền. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định giá hoặc giá trái phiếu (giá sạch) của kỳ định giá có sự biến động lớn hơn hai phần trăm (2%) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua trong trường hợp trái phiếu này mới được mua trong kỳ định giá thì giá được sử dụng để định giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua (giá sạch) cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá; + Mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương khi đến gần ngày đáo hạn mà trái	

		+ <u>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</u> Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương khi đến gần ngày đáo hạn mà trái phiếu này bắt buộc phải hủy niêm yết được định giá bằng mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá.	phiếu này bắt buộc phải hủy niêm yết được định giá bằng mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá		Sửa đổi theo Phụ lục XIV Thông tư 98/2020/TT-BTC
59	PHỤ LỤC 04 Mục 1 Trái phiếu	8. Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết 8.1. Trái phiếu doanh nghiệp thông thường <i>là giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) (giá-clean) hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng hai (02) tuần trước mười lăm (15) ngày tính đến ngày trước Ngày Định giá, cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá.</i> <i>Trong trường hợp giá trái phiếu có nhiều giao dịch trong một ngày thì sẽ thực hiện định giá trái phiếu bằng giá bình quân gia quyền.</i> Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trước mười lăm (15) ngày tính đến ngày trước Ngày Định giá hoặc giá trái phiếu (giá sạch) của kỳ định giá có sự biến động lớn hơn hai phần trăm (2%) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua trong trường hợp trái phiếu này mới được mua trong kỳ định giá thì giá được sử dụng để định giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua (giá sạch) cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá; hoặc + Mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá; hoặc + <u>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</u> 8.2 Trái phiếu doanh nghiệp khác [nội dung giữ nguyên không thay đổi]	7. Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết 7.1 Trái phiếu doanh nghiệp thông thường là giá sạch (giá clean) của Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định giá, cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá. Trong trường hợp giá trái phiếu có nhiều giao dịch trong một ngày thì sẽ thực hiện định giá trái phiếu bằng giá bình quân gia quyền. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định giá hoặc giá trái phiếu (giá sạch) của kỳ định giá có sự biến động lớn hơn hai phần trăm (2%) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua trong trường hợp trái phiếu này mới được mua trong kỳ định giá thì giá được sử dụng để định giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua (giá sạch) cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá; + Mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá. 7.2 Trái phiếu doanh nghiệp khác [.....]		Sửa đổi theo Phụ lục XIV Thông tư 98/2020/TT-BTC
60	PHỤ LỤC 04	9. Trái phiếu không niêm yết Trái phiếu không niêm yết được định giá theo thứ tự các	8. Trái phiếu không niêm yết Trái phiếu không niêm yết được định giá theo thứ tự các		Sửa đổi theo Phụ lục XIV Thông tư

	Mục 1 Trái phiếu	nguyên tắc sau: + <u>Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá công lai suất cuống phiếu tính đến hết ngày trước Ngày Định giá; hoặc</u> + Giá mua (giá sạch) cộng với lãi lũy kế <u>tính đến hết ngày</u> trước Ngày Định giá; <u>hoặc</u> + Mệnh giá cộng với lãi lũy kế đến hết ngày trước Ngày Định giá; <u>hoặc</u> + <u>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận.</u>	nguyên tắc sau: + Giá mua (giá sạch) cộng với lãi lũy kế đến hết ngày trước Ngày Định giá; + Mệnh giá cộng với lãi lũy kế đến hết ngày trước Ngày Định giá.	98/2020/TT-BTC
61	PHỤ LỤC 04 Mục 1 Cổ phiếu	10. Cổ phiếu niêm yết <u>trên Sở giao dịch chứng khoán</u> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước <u>ngày</u> trước Ngày Định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai <u>hai (02) tuần</u> muối lăm (15) ngày <u>tính đến ngày trước</u> Ngày Định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) là giá của kỳ báo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày trước Ngày Định giá; + Giá mua (giá cost); <u>hoặc</u> + Giá trị sổ sách; <u>hoặc</u> + <u>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</u>	9. Cổ phiếu niêm yết - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày trước Ngày Định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) là giá của kỳ báo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày trước Ngày Định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách	Sửa đổi theo Phụ lục XIV Thông tư 98/2020/TT-BTC
62	PHỤ LỤC 04 Mục 1 Cổ phiếu	11. Cổ phiếu <u>của công ty đại chúng</u> đăng ký giao dịch <u>trên hệ thống Upcom</u> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước <u>ngày</u> trước Ngày Định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai <u>hai (02) tuần</u> muối lăm (15) ngày <u>tính đến ngày trước</u> Ngày Định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:	10. Cổ phiếu đăng ký giao dịch - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày trước Ngày Định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:	Sửa đổi theo Phụ lục XIV Thông tư 98/2020/TT-BTC

		+ Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) là giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày trước Ngày Định giá; + Giá mua (giá cost); hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.	+ Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) là giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày trước Ngày Định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách		Sửa đổi theo Phụ lục XIV Thông tư 98/2020/TT-BTC
63	PHỤ LỤC 04 Mục 1 Cổ phiếu	+ Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch + Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu ba (03) tổ chức cấp báo giá. + Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức cấp báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: + Giá trung bình từ hai (02) tổ chức cung cấp báo giá; + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày trước Ngày Định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách	- 11. Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch - Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: + Giá trung bình từ hai (02) tổ chức cung cấp báo giá; + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày trước Ngày Định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách		Sửa đổi theo Phụ lục XIV Thông tư 98/2020/TT-BTC
64	PHỤ LỤC 04 Mục 1 Cổ phiếu	+ 13. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch - Phương pháp định giá được ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: + Ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ xác định phương pháp định giá; + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.	- 13. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch - Phương pháp định giá được ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: + Ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ xác định phương pháp định giá; + Giá trị sổ sách; + Mệnh giá.		Sửa đổi theo Phụ lục XIV Thông tư 98/2020/TT-BTC
65	PHỤ LỤC 04	- 14. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản - Phương pháp định giá được ưu tiên thực hiện theo thứ tự	- 14. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản - Phương pháp định giá được ưu tiên thực hiện theo thứ tự		Sửa đổi theo Phụ lục XIV Thông tư

Mục 1 Cổ phiếu	từ trên xuống là một trong các mức giá sau: + Ủy quyền cho Ban Đại diện Quý xác định phương pháp định giá; + Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định giá; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quý chấp thuận.	từ trên xuống là một trong các mức giá sau: + Ủy quyền cho Ban Đại diện Quý xác định phương pháp định giá; + Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định giá.	98/2020/TT-BTC
66 PHỤ LỤC 04 Mục 1 Cổ phiếu	<u>16. Cổ phần, phần vốn góp khác</u> <u>Giá thì trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo thứ tự từ trên xuống:</u> <u>+ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc</u> <u>+ Giá trị sổ sách; hoặc</u> <u>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quý chấp thuận.</u>	Không có	Sửa đổi theo Phụ lục XIV Thông tư 98/2020/TT-BTC
67 PHỤ LỤC 04 Mục 1 Chứng khoán phái sinh	<u>17. Chứng khoán phái sinh niêm yết</u> <u>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá.</u>	16. Chứng khoán phái sinh niêm yết Giá đóng cửa tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá.	Sửa đổi theo Phụ lục XIV Thông tư 98/2020/TT-BTC
68 PHỤ LỤC 04 Mục 1 Chứng khoán phái sinh	<u>18. Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá trong vòng hai (02) tuần trở lên</u> <u>Giá xác định theo phương pháp khác sẽ được Chubb Life FMC đề xuất và đã được Ban Đại diện Quý phê duyệt.</u>	17. Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trở lên Giá xác định theo phương pháp khác sẽ được Chubb Life FMC đề xuất và được Ban Đại diện Quý phê duyệt.	Sửa đổi theo Phụ lục XIV Thông tư 98/2020/TT-BTC
69 PHỤ LỤC	19. Các tài sản được phép đầu tư khác	18. Các tài sản được phép đầu tư khác	Sửa đổi theo Phụ lục

O4	Mục 1 Các tài sản khác	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Chubb Life xuất và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Đình giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Chubb Life FMC đề xuất và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.	XIV Thông tư 98/2020/TT-BTC
70	PHỤ LỤC O4 Ghi chú	[Bổ sung, điều chỉnh các nội dung như sau, các nội dung khác của phần Ghi chú khác giữ nguyên không thay đổi] - Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành. - Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá giá phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF/HNX...) để tham khảo.	- Không có - Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/HNX...) để tham khảo.	Sửa đổi theo Phụ lục XIV Thông tư 98/2020/TT-BTC